

LỜI NÓI ĐẦU

Mỗi đơn vị kinh tế là một tế bào của nền kinh tế xã hội. Nền kinh tế xã hội càng phát triển thì kế toán ngày càng giữ vai trò hết sức quan trọng trong quản lý kinh doanh và kiểm soát của các hoạt động kinh tế của nhà nước cũng như các hoạt động kinh tế của doanh nghiệp.

Quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là quá trình vận động liên tục của vốn kinh doanh theo chu kỳ T-H-T. Trong quá trình đó luôn có một bộ phận vốn dừng lại ở hình thái tiền tệ, bộ phận này gọi là Vốn bằng tiền. Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, là vật ngang giá chung nên trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô lãng phí. Do đó vốn bằng tiền phải quản lý một cách chặt chẽ.

Với kiến thức đã học trong nhà trường và thực tế tìm hiểu tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4, em đã chọn đề tài: “ Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền”, nhằm củng cố nâng cao kiến thức và hy vọng góp một phần nhỏ bé vào việc hoàn thiện các nghiệp vụ cơ bản về kế toán tài chính của doanh nghiệp. Nội dung của bài khoá luận gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực tế tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4.

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4.

Trong thời gian thực hiện khoá luận em đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của ThS.Hoà Thị Thanh Hương và các cán bộ phòng Tài chính kế toán – Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4. Do kinh nghiệm còn hạn chế và thời gian có hạn nên khoá luận không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự đóng góp của các thầy cô giáo và các bạn sinh viên để bài khoá luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, ngày 02 tháng 07 năm 2011

Trịnh Thị Minh Nguyên

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	1
MỤC LỤC	2
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU	4
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP.	6
1.1. Tổng quan về vốn bằng tiền.	6
1.1.1. Khái niệm, phân loại vốn bằng tiền.....	6
1.1.2. Đặc điểm vốn bằng tiền, nhiệm vụ và nguyên tắc hạch toán.	6
1.2. Tổ chức công tác kế toán tiền mặt.....	8
1.2.1. Những quy định trong hạch toán tiền mặt.	8
1.2.2. Tài khoản sử dụng.	9
1.2.3. Kế toán tiền mặt Việt Nam đồng (VNĐ).....	9
1.2.4. Kế toán tiền mặt ngoại tệ.....	11
1.2.5. Kế toán vàng bạc, kim khí quý, đá quý tại quỹ.....	11
1.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng.....	14
1.3.1. Chứng từ kế toán và những quy định trong hạch toán tiền gửi ngân hàng.	14
1.3.2. Tài khoản sử dụng.	15
1.3.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam Đồng.	15
1.3.4. Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ.....	17
1.4. Kế toán tiền đang chuyển.	17
1.4.1. Chứng từ kế toán và những quy định trong hạch toán tiền đang chuyển.....	17
1.4.2. Tài khoản sử dụng.	18
1.4.3. Trình tự hạch toán.....	18
1.5. Sổ sách kế toán doanh nghiệp áp dụng.....	21
CHƯƠNG 2: THỰC TẾ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI THUY SỔ 4.....	27
2.1. Tổng quan chung về Công ty Cổ phần Vạn tài thủy số 4.....	27
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của CT Cổ phần Vạn tài thủy số 4.	27

2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4.....	28
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty CP Vận tải thủy số 4.	28
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty CP Vận tải thủy số 4.....	33
2.2. Thực tế tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại CT Cổ phần Vận tải thủy số 4.....	37
2.2.1. Kế toán tiền mặt VNĐ tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4.	37
2.2.2. Kế toán tiền gửi tại Công ty Cổ phần vận tải thủy số 4.	57
CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CP VẬN TẢI THỦY SỐ 4.....	76
3.1. Nhận xét đánh giá chung về bộ máy kế toán và công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4.....	76
3.1.1. Ưu điểm.	76
3.1.2. Hạn chế.	79
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4.....	81
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện.	81
3.2.2. Mục đích, yêu cầu, phạm vi hoàn thiện.	81
3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4.	82
KẾT LUẬN	88
TÀI LIỆU THAM KHẢO	89

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Sơ đồ 1.1 : Kế toán tiền mặt (VNĐ).....	10
Sơ đồ 1.2 : Kế toán tiền mặt (Ngoại tệ).....	12
Sơ đồ 1.3: Kế toán vàng bạc, kim khí quý, đá quý	13
Sơ đồ 1.4. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (VNĐ)	16
Sơ đồ 1.5. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (Ngoại tệ)	19
Sơ đồ 1.6: Kế toán tiền đang chuyển.....	20
Sơ đồ 1.7 : Kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký chung	22
Sơ đồ 1.8: Kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Chứng từ ghi sổ	23
Sơ đồ 1.9: Kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký chứng từ	24
Sơ đồ 1.10: Kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký – sổ cái	25
Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy	26
Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần vận tải thủy số 4	29
Sơ đồ 2.2: Cơ cấu bộ máy của phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải thủy số 4	33
Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán tiền mặt VNĐ tại Công ty CP Vận tải thủy số 4	39
Biểu 2.4: Phiếu thu	42
Biểu 2.5: Hoá đơn bán lẻ	43
Mẫu biểu 2.6: Giấy đề nghị thanh toán	44
Biểu 2.8: Phiếu chi	46
Biểu 2.9: Màn hình lựa chọn đường dẫn xem sổ quỹ tiền mặt.	47
Biểu 2.10: Màn hình nhập dữ liệu để xem sổ quỹ tiền mặt.....	48
Biểu 2.11: Màn hình Sổ quỹ tiền mặt.....	48
Biểu 2.12: Sổ quỹ tiền mặt	49
Biểu 2.14: Màn hình nhập dữ liệu để xem Bảng kê số 1.	50
Biểu 2.15: Màn hình Bảng kê số 1.	51
Biểu số 2.18: Màn hình nhập dữ liệu để xem Nhật ký chứng từ số 1.	53
Biểu 2.19: Màn hình nhật ký chứng từ số 1.	54

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng.....	57
Biểu 2.23: Sổ phụ	59
Biểu 2.24: Màn hình lựa chọn đường dẫn để nhập số liệu từ Giấy Báo Có.....	Error! Bookmark not defined.
Biểu 2.25: Màn hình danh sách Giấy Báo Có	Error! Bookmark not defined.
Biểu 2.26: Màn hình nhập dữ liệu từ Giấy Báo Có.....	Error! Bookmark not defined.
Biểu số 2.27: Ủy nhiệm chi	63
Biểu số 2.28: Giấy báo nợ	63
Biểu 2.30: Màn hình lựa chọn đường dẫn để nhập dữ liệu từ Giấy Báo Nợ.....	Error! Bookmark not defined.
Biểu 2.31: Màn hình danh sách Giấy Báo Nợ.....	65
Biểu 2.32: Màn hình nhập dữ liệu từ Giấy Báo Nợ	Error! Bookmark not defined.
Biểu 2.33: Màn hình lựa chọn đường dẫn xem sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng.	67
Biểu 2.34: Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng.	68
Biểu 2.35: Màn hình lựa chọn đường dẫn để xem Bảng kê số 2.	69
Biểu 2.37: Màn hình Bảng kê số 2	70
Biểu 2.39: Màn hình lựa chọn đường dẫn để xem Nhật ký chứng từ số 2.....	72
Biểu 2.40: Màn hình nhập dữ liệu để xem Nhật ký chứng từ số 2.....	73
Biểu 2.41: Màn hình Nhật ký chứng từ số 2	73
Biểu 2.42: Nhật ký chứng từ số 2.....	74

CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1. Tổng quan về vốn bằng tiền.

1.1.1. Khái niệm, phân loại vốn bằng tiền.

Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là quá trình vận động liên tục của vốn dừng lại ở hình thái tiền tệ, bộ phận này gọi là vốn bằng tiền.

Vốn bằng tiền là bộ phận của tài sản lưu động ở hình thái tiền tệ trong quá trình vận động. Nó có tính linh hoạt cao nhất trên Bảng cân đối kế toán, đồng thời nó phản ánh khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp tại thời điểm.

Vốn bằng tiền của doanh nghiệp gồm:

- Tiền mặt tại quỹ
- Các khoản tiền gửi ngân hàng
- Tiền đang chuyển

(Gồm cả nội tệ, ngoại tệ, ngân phiếu, vàng, bạc, đá quý)

Muốn tiến hành sản xuất kinh doanh, bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng đều phải có một lượng tiền nhất định có thể là tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, kho bạc dùng để chi tiêu, thanh toán các khoản mua, bán nguyên liệu, vật tư hàng hoá, thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên... nhằm đảm bảo cho việc sản xuất kinh doanh không bị ách tắc đình trệ đem lại hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh.

1.1.2. Đặc điểm vốn bằng tiền, nhiệm vụ và nguyên tắc hạch toán.

1.1.2.1. Đặc điểm vốn bằng tiền.

Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, nó là vật ngang giá chung do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra tham ô lãng phí. Để quản lý chặt chẽ vốn bằng tiền cần đảm bảo tốt các yêu cầu sau:

- Mọi biến động của vốn bằng tiền phải làm đầy đủ thủ tục và phải có chứng từ gốc hợp lệ.
- Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền phải đúng mục đích, đúng chế độ.

1.1.2.2. *Nhiệm vụ kế toán vốn bằng tiền.*

Để thực hiện tốt việc quản lý vốn bằng tiền với vai trò công cụ quản lý kinh tế, kế toán cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh kịp thời đầy đủ, chính xác số hiện có và tình hình biến động của vốn bằng tiền.
- Giám đốc quản lý chặt chẽ việc tiến hành chế độ thu, chi, và quản lý tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, chế độ quản lý ngoại tệ, vàng bạc.

1.1.2.3. *Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền.*

1. Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng.

2. Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải quy đổi ra ngoại tệ Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (Tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các tài khoản 1112, TK 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, giá thực tế đích danh.

Nhóm tài khoản vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ quy đổi ra Đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phản ánh chênh lệch này trên các TK doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính (Nếu phát sinh trong giai đoạn sản xuất kinh doanh kể cả doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản) hoặc phản ánh vào TK 413 (Nếu phát sinh trong giai đoạn đầu tư XDCB giai đoạn trước hoạt động). Số dư cuối kỳ các TK vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3. Đối với vàng bạc kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách phẩm chất và giá trị của từng thứ từng loại. Giá trị vàng bạc kim khí quý, đá quý được tính theo giá thực tế (Giá hoá đơn hoặc giá được thanh toán) khi tính giá xuất vàng, bạc, kim khí đá quý có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính giá hàng tồn kho.

1.2. Tổ chức công tác kế toán tiền mặt.

1.2.1. Những quy định trong hạch toán tiền mặt.

Tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp bao gồm tiền Việt Nam, kể cả ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý. Kế toán tiền mặt cần tuân theo những quy định sau:

- Phản ánh vào TK111 - Tiền mặt, số tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với những khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị) thì không ghi bên Nợ TK 111 - Tiền mặt mà ghi vào bên Nợ TK 113 - Tiền đang chuyển.

- Các khoản tiền, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp thì việc quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị. Riêng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý trước khi nhập quỹ phải làm đầy đủ các thủ tục về cân, đong, đo, đếm số lượng và trọng lượng, giám định chất lượng. Sau đó tiến hành niêm phong, có xác nhận của người ký cược, ký quỹ trên dấu niêm phong.

- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi hoặc chứng từ nhập, xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.

- Kế toán quỹ tiền mặt phải chịu trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày, liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý và tính ra số tồn quỹ ở mọi thời điểm. Riêng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhận ký cược, ký quỹ phải theo dõi riêng một sổ hay một phần sổ.

- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý tại quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê

số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu, sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

1.2.2. Tài khoản sử dụng.

Để hạch toán tổng hợp thu - chi tiền mặt, kế toán sử dụng TK 111 “Tiền mặt”.

Kết cấu TK 111 như sau:

Bên Nợ :

- Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, vàng, bạc, đá quý nhập quỹ.
- Tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc thừa phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng (đối với tiền mặt ngoại tệ).

Bên Có:

- Tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, đá quý xuất quỹ.
- Tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc thiếu ở quỹ tiền mặt.
- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm (đối với tiền mặt ngoại tệ).

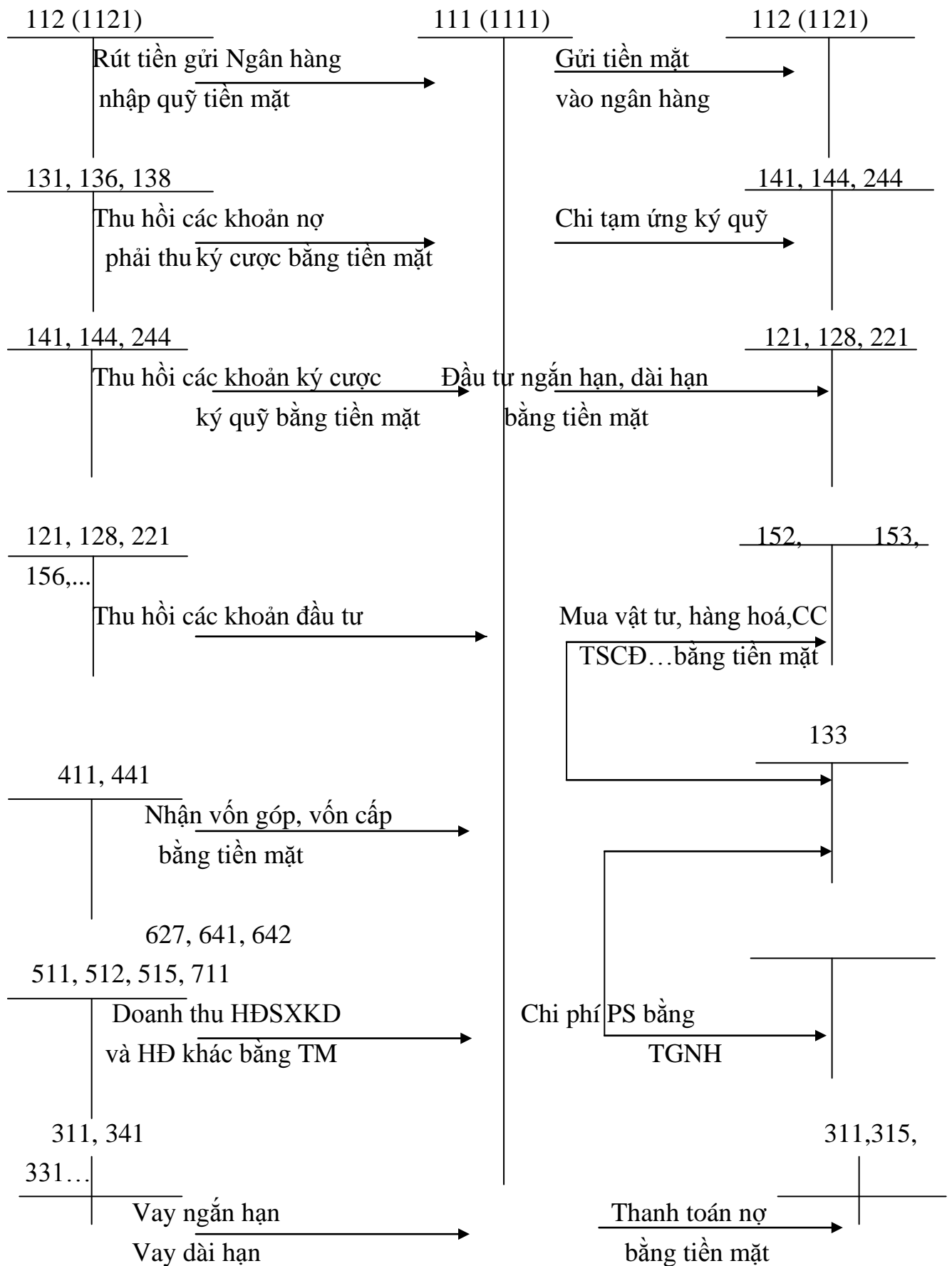
Số dư bên Nợ: Tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý còn tồn quỹ.

Tài khoản 111 - Tiền mặt được chi tiết thành 3 TK cấp II.

- TK 1111 - Tiền Việt Nam.
- TK 1112 - Ngoại tệ.
- TK 1113 - Vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

1.2.3. Kế toán tiền mặt Việt Nam đồng (VNĐ).

Kế toán tiền mặt VNĐ được thể hiện qua sơ đồ 1.1



Sơ đồ 1.1 : Kế toán tiền mặt (VNĐ)

1.2.4. Kế toán tiền mặt ngoại tệ.

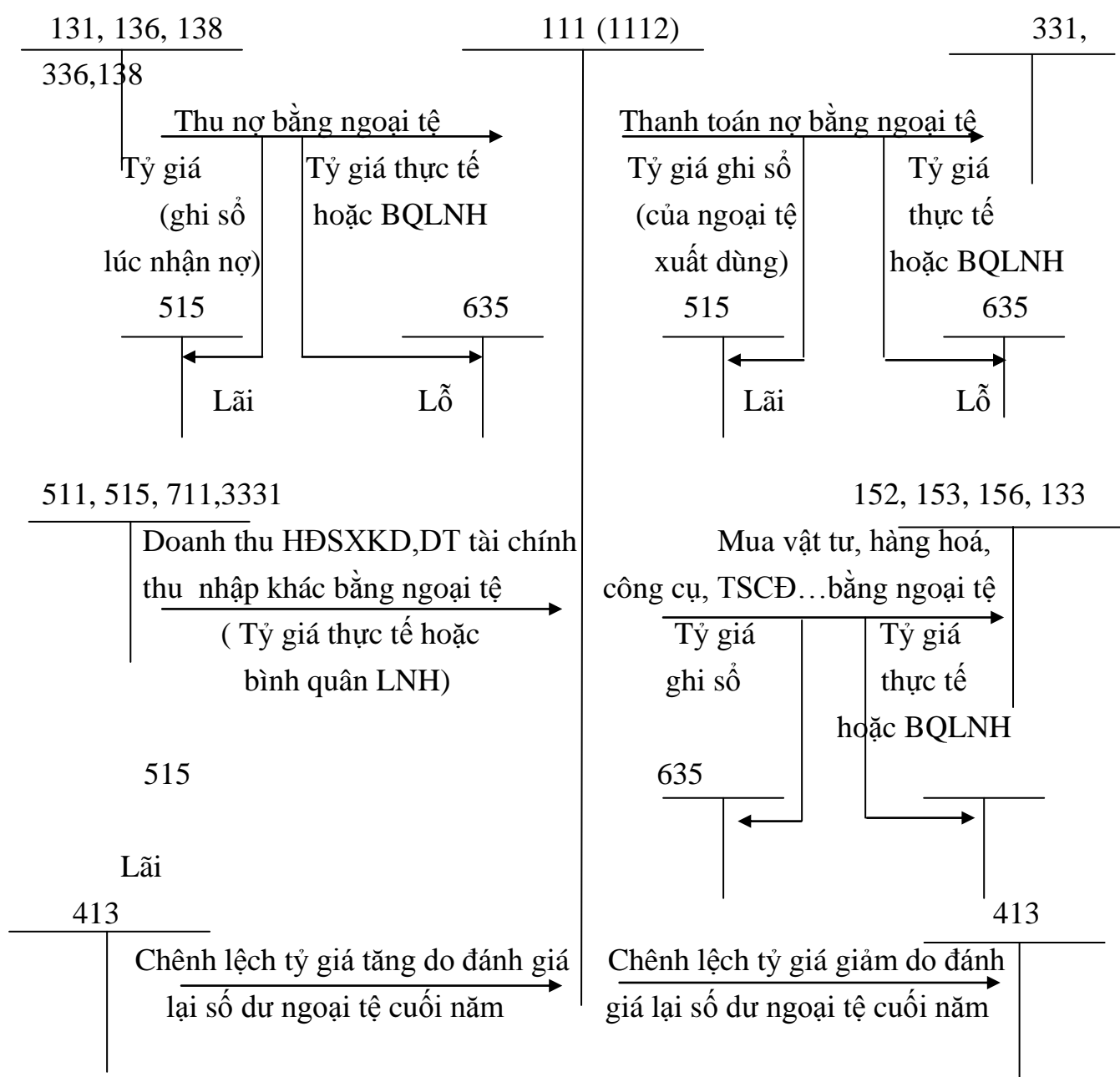
Nhập quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ, căn cứ vào tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để quy đổi sang Đồng Việt Nam để ghi sổ kế toán.

Kế toán tiền mặt ngoại tệ được phản ánh qua sơ đồ 1.2.

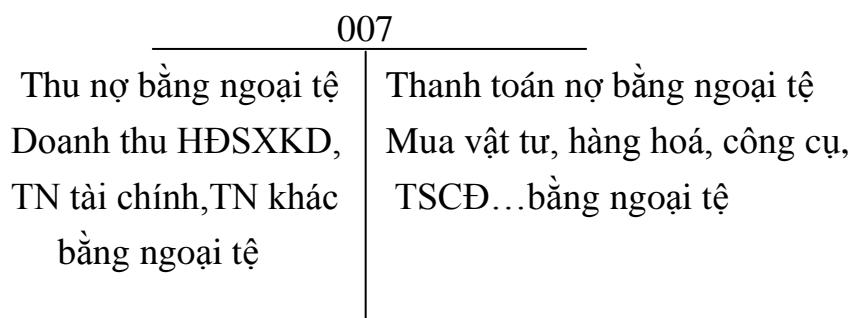
1.2.5. Kế toán vàng bạc, kim khí quý, đá quý tại quỹ.

Đối với các doanh nghiệp không có chức năng kinh doanh vàng bạc, đá quý, khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các tài sản này thì phản ánh vào TK 111 (1113). Do vàng, bạc, đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán... Các loại vàng, bạc, đá quý được ghi sổ theo giá thực tế, khi xuất có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá thực tế như: phương pháp giá đơn vị bình quân; nhập trước, xuất trước; nhập sau, xuất trước hay phương pháp đặc điểm riêng. Song từng loại vàng bạc, đá quý lại có những đặc điểm riêng và giá trị khác nhau nên sử dụng phương pháp đặc điểm riêng để tính giá vàng bạc, đá quý xuất dùng là chính xác nhất.

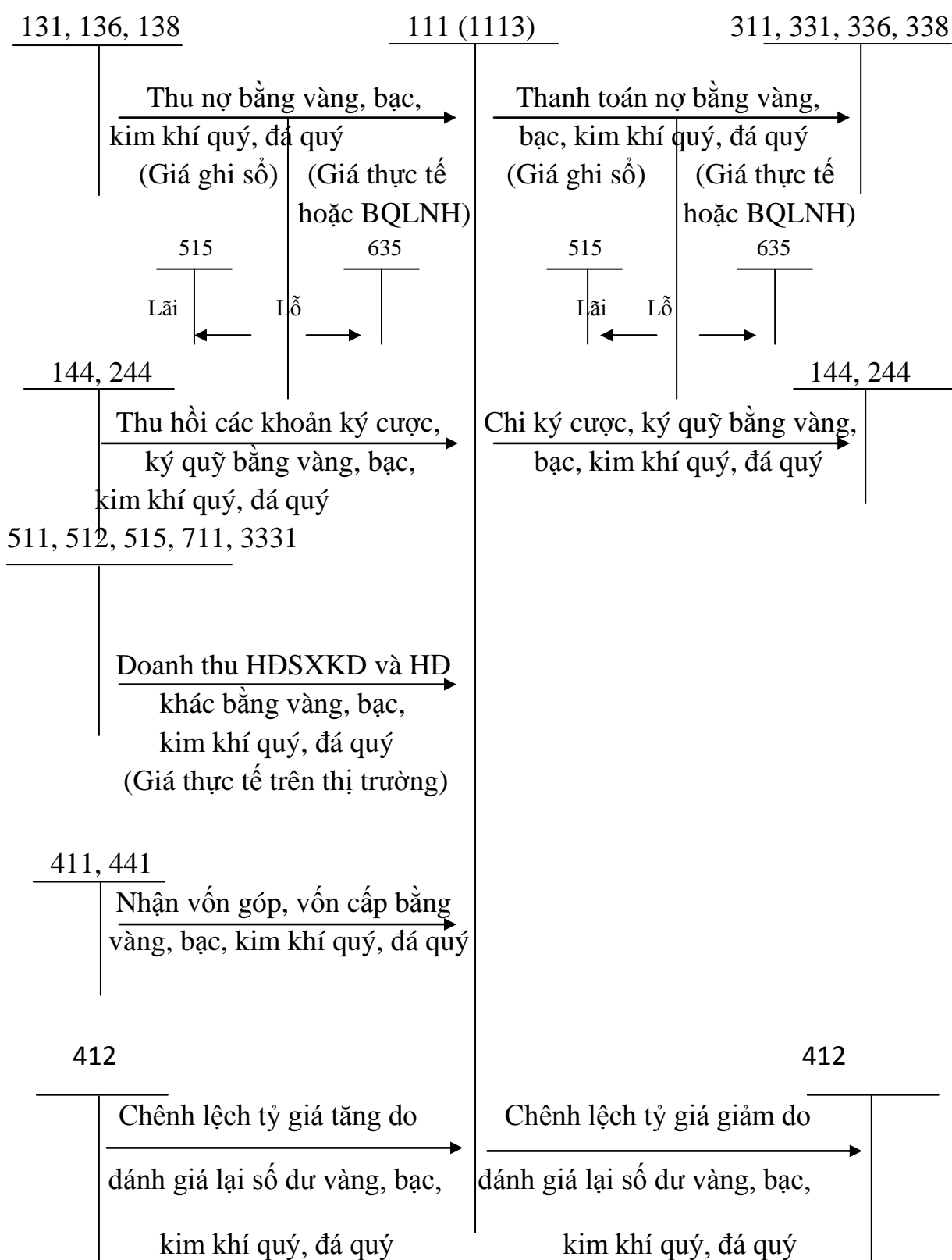
Kế toán vàng bạc, kim khí quý, đá quý tại quỹ được thể hiện qua sơ đồ 1.3



Đồng thời ghi TK 007



Sơ đồ 1.2 : Kế toán tiền mặt (Ngoại tệ)



Sơ đồ 1.3: Kế toán vàng bạc, kim khí quý, đá quý

1.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng.

1.3.1. Chứng từ kế toán và những quy định trong hạch toán tiền gửi ngân hàng.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp thường phát sinh các nghiệp vụ thanh toán giữa doanh nghiệp này với doanh nghiệp khác, các nhà cung ứng vật tư, hàng hoá, với Ngân hàng và các tổ chức khác ngoài Ngân hàng như các tổ chức kinh tế quốc doanh.

Tiền của các doanh nghiệp phần lớn được gửi ở các Ngân hàng, kho bạc hoặc các Công ty tài chính để thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt. Khi có nhu cầu thanh toán một khoản chi phí nào bằng tiền gửi Ngân hàng, Công ty phải thực hiện thủ tục rút tiền hoặc chuyển tiền. Nhiệm vụ này do kế toán thanh toán với ngân hàng đảm nhiệm. Số lãi thu được từ khoản tiền gửi Ngân hàng được hạch toán vào thu nhập hoạt động từ hoạt động tài chính.

Khi nhận được chứng từ do ngân hàng gửi đến, kế toán tiền gửi ngân hàng của Công ty tiến hành kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa sổ sách của Công ty với chứng từ của Ngân hàng gửi đến thì kế toán tiền gửi Ngân hàng phải thông báo với Ngân hàng để kịp thời xác minh đối chiếu và xử lý. Nếu số liệu hai bên đã cân đối kế toán tiền gửi hạch toán chi tiết trên sổ tiền gửi Ngân hàng để theo dõi cho từng nghiệp vụ phát sinh.

Căn cứ để hạch toán tiền gửi Ngân hàng là các giấy báo Có, giấy báo Nợ hoặc bản sao kinh doanh của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, séc chuyển khoản, séc bảo chi...).

Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc bảo sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 - Phải thu khác (1388) (nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc được ghi vào bên Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác

(3388) (nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

Tại những đơn vị có những tổ chức, bộ phận phụ thuộc, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi, mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (tiền Đồng Việt nam, ngoại tệ các loại)

Phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

1.3.2. Tài khoản sử dụng.

Để phản ánh tình hình biến động về tiền gửi kế toán sử dụng TK 112 - Tiền gửi ngân hàng. Tài khoản 112 dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động các khoản tiền gửi của DN tại các ngân hàng và các Công ty tài chính. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 112 .

Bên Nợ:

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính tăng trong kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng (đối với tiền gửi ngoại tệ).

Bên Có:

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính giảm trong kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm (đối với tiền gửi ngoại tệ).

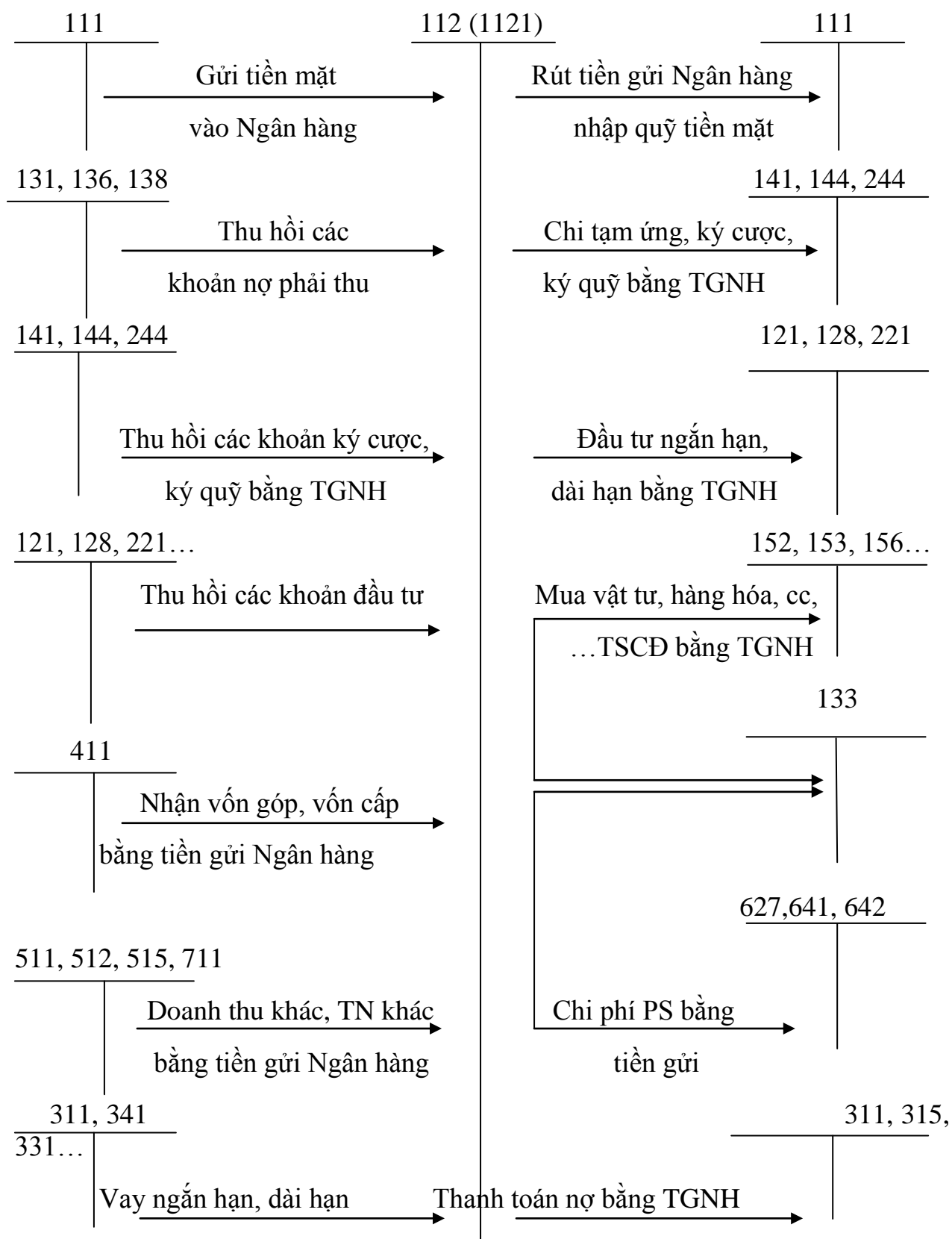
Số dư bên Nợ: Số dư các khoản tiền gửi ở Ngân hàng, các tổ chức tài chính hiện còn cuối kỳ.

Tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng, có 3 tài khoản cấp hai:

- TK 1121 - Tiền Việt Nam.
- TK 1122 - Ngoại tệ.
- TK 1123 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

1.3.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam Đồng.

Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng tiền VNĐ được thể hiện qua sơ đồ 1.4



Sơ đồ 1.4. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (VNĐ)

1.3.4. Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ.

Kế toán thực hiện tương tự phần kế toán thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ “Báo Nợ”, “Báo Có” của Ngân hàng ghi vào các sổ kế toán tổng hợp. Kế toán tiền gửi Ngân hàng sử dụng các sổ kế toán tổng hợp tùy thuộc vào hình thức kế toán đơn vị áp dụng.

Tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được thể hiện thông qua sơ đồ 1.5.

1.4. Kế toán tiền đang chuyển.

1.4.1. Chứng từ kế toán và những quy định trong hạch toán tiền đang chuyển.

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc Nhà nước hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển cho ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng hồi đoái ở thời điểm cuối năm tài chính theo tỷ giá trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bản kê sao của ngân hàng. Tiền đang chuyển gồm tiền Ngân hàng Việt Nam và ngoại tệ các loại phát sinh trong các trường hợp:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác.
- Các khoản tiền cấp phát, trích chuyển giữa đơn vị chính với đơn vị phụ thuộc, giữa cấp trên với cấp dưới giao dịch qua ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hoặc báo Có...

Kế toán theo dõi tiền đang chuyển cần lưu ý:

- Séc bán hàng thu được phải nộp vào ngân hàng trong phạm vi thời hạn giá trị của séc.
- Các khoản tiền giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ qua ngân hàng phải đối chiếu thường xuyên để phát hiện sai lệch kịp thời.
- Tiền đang chuyển có thể cuối tháng mới phản ánh một lần sau khi đã đối chiếu với ngân hàng.

Kế toán tiền đang chuyển sử dụng các chứng từ :

- Bảng kê nộp séc.
- Ủy nhiệm chi.
- Giấy “Báo Có” của Ngân hàng.

1.4.2. Tài khoản sử dụng.

Kế toán tiền đang chuyển sử dụng TK 113 “Tiền đang chuyển” để phản ánh tình hình và sự biến động tiền đang chuyển của doanh nghiệp. Nội dung ghi chép của TK 113 như sau:

Bên Nợ: Các khoản tiền đang chuyển tăng trong kỳ.

Bên Có: Các khoản tiền đang chuyển giảm trong kỳ.

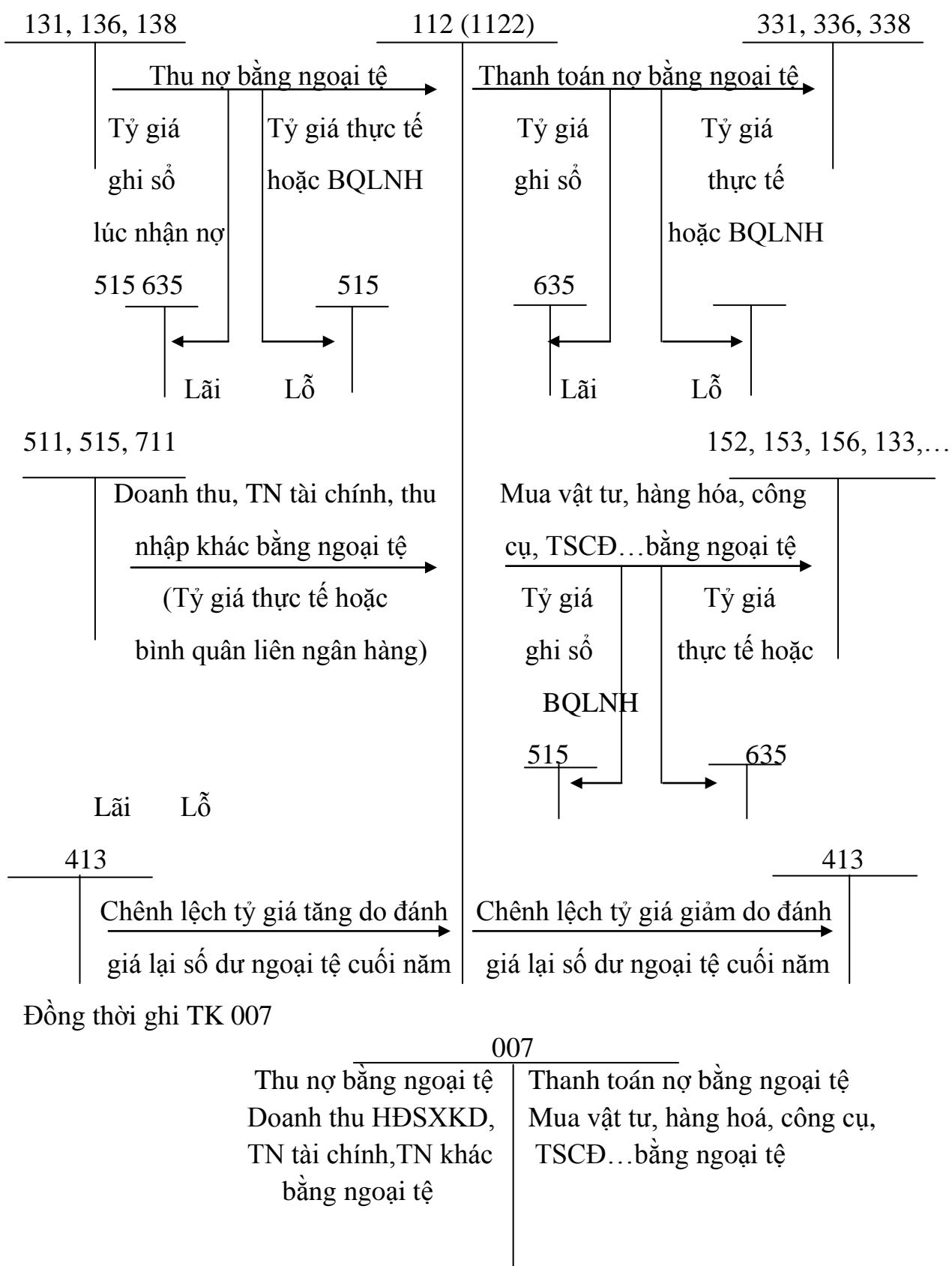
Số dư bên Nợ: Các khoản tiền còn đang chuyển đến cuối kỳ.

TK 113 được chi tiết thành 2 tài khoản cấp hai:

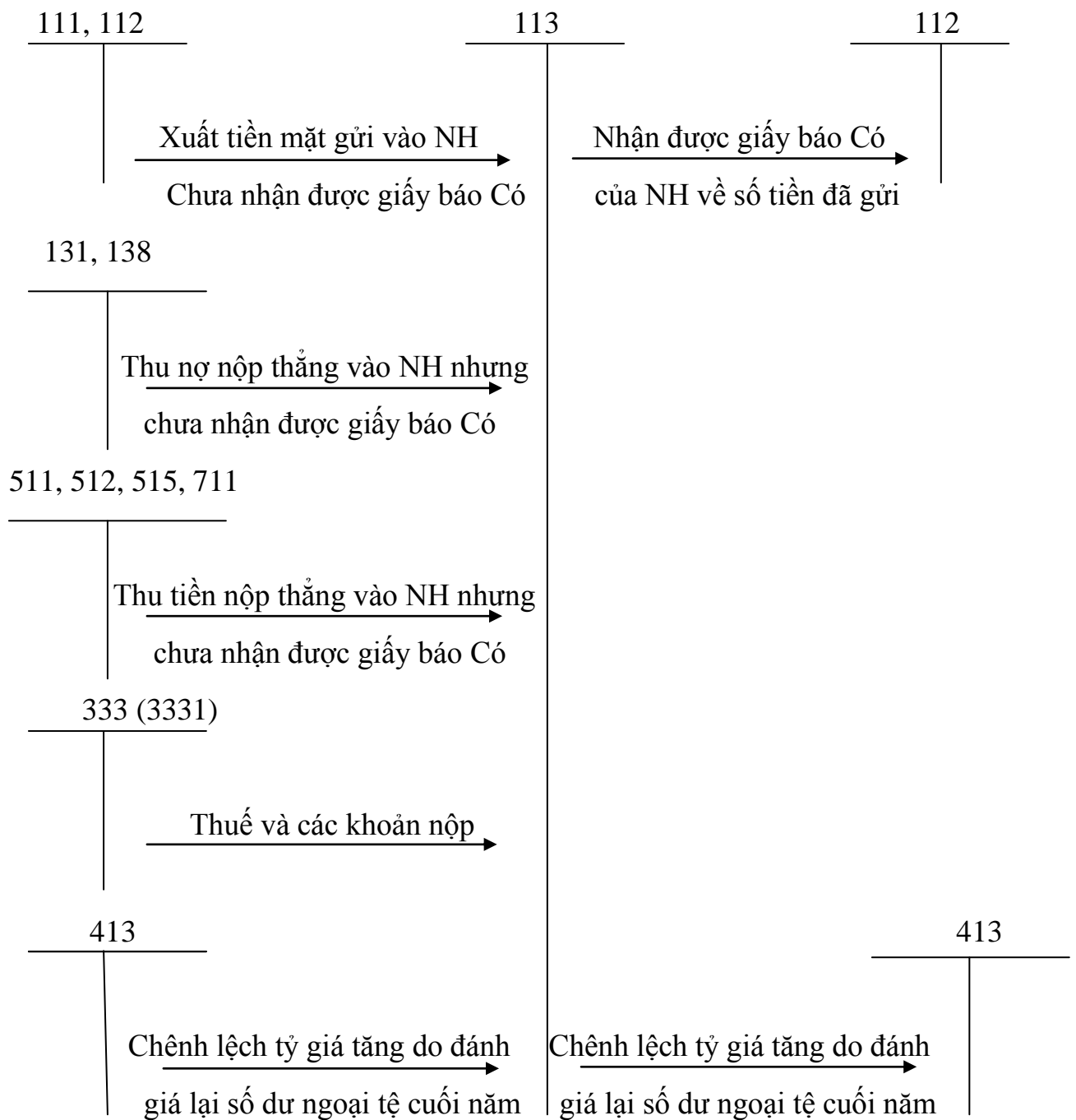
- TK 1131: Tiền Việt Nam.
- TK 1132: Ngoại tệ.

1.4.3. Trình tự hạch toán.

Tổ chức kế toán tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ 1.6.



Sơ đồ 1.5. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (Ngoại tệ)



Sơ đồ 1.6: Kế toán tiền đang chuyển

1.5. Sổ sách kế toán doanh nghiệp áp dụng.

Hệ thống sổ kế toán bao gồm nhiều loại sổ khác nhau trong đó có những loại được mở theo quy định chung của Nhà nước và những loại sổ mở theo yêu cầu quản lý của đơn vị. Để tổ chức hạch toán sổ kế toán phù hợp cần phải căn cứ vào quy mô của doanh nghiệp, vào đặc điểm sản xuất kinh doanh về tính chất của quy trình sản xuất và đặc điểm về đối tượng kế toán của doanh nghiệp. Việc tổ chức sổ kế toán nhằm phục vụ cho việc xác lập các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị cũng như phục vụ cho việc kiểm tra kiểm soát từng loại tài sản, nguồn vốn và từng quá trình của doanh nghiệp.

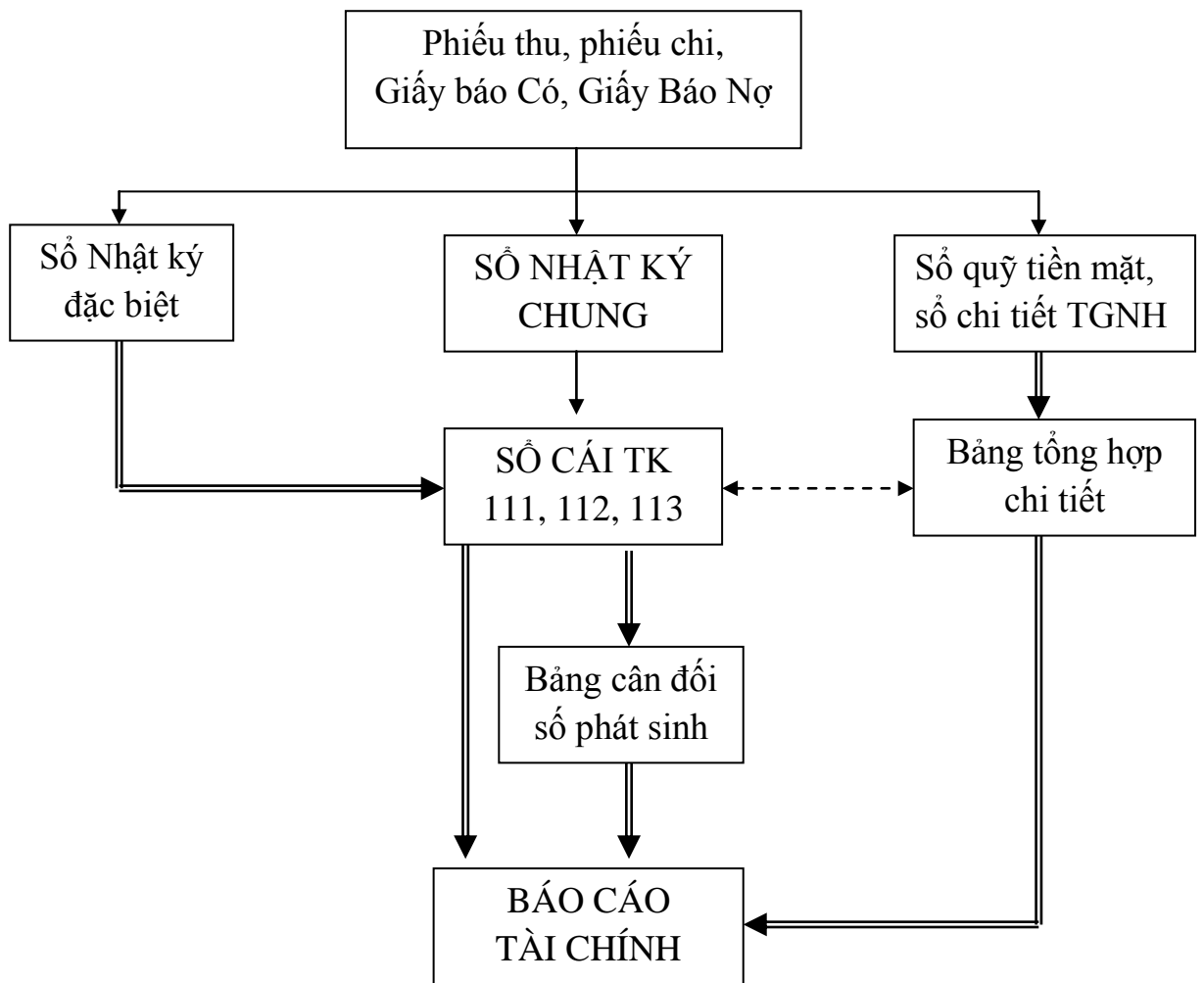
Sổ kế toán: Có 5 hình thức đó là:

- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật ký chứng từ
- Hình thức Nhật ký sổ cái
- Kế toán máy

Tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp mà mỗi doanh nghiệp lựa chọn hình thức ghi sổ khác nhau.

Dưới đây là trình tự ghi sổ kế toán của các hình thức ghi sổ:

- Hình thức Nhật ký chung:

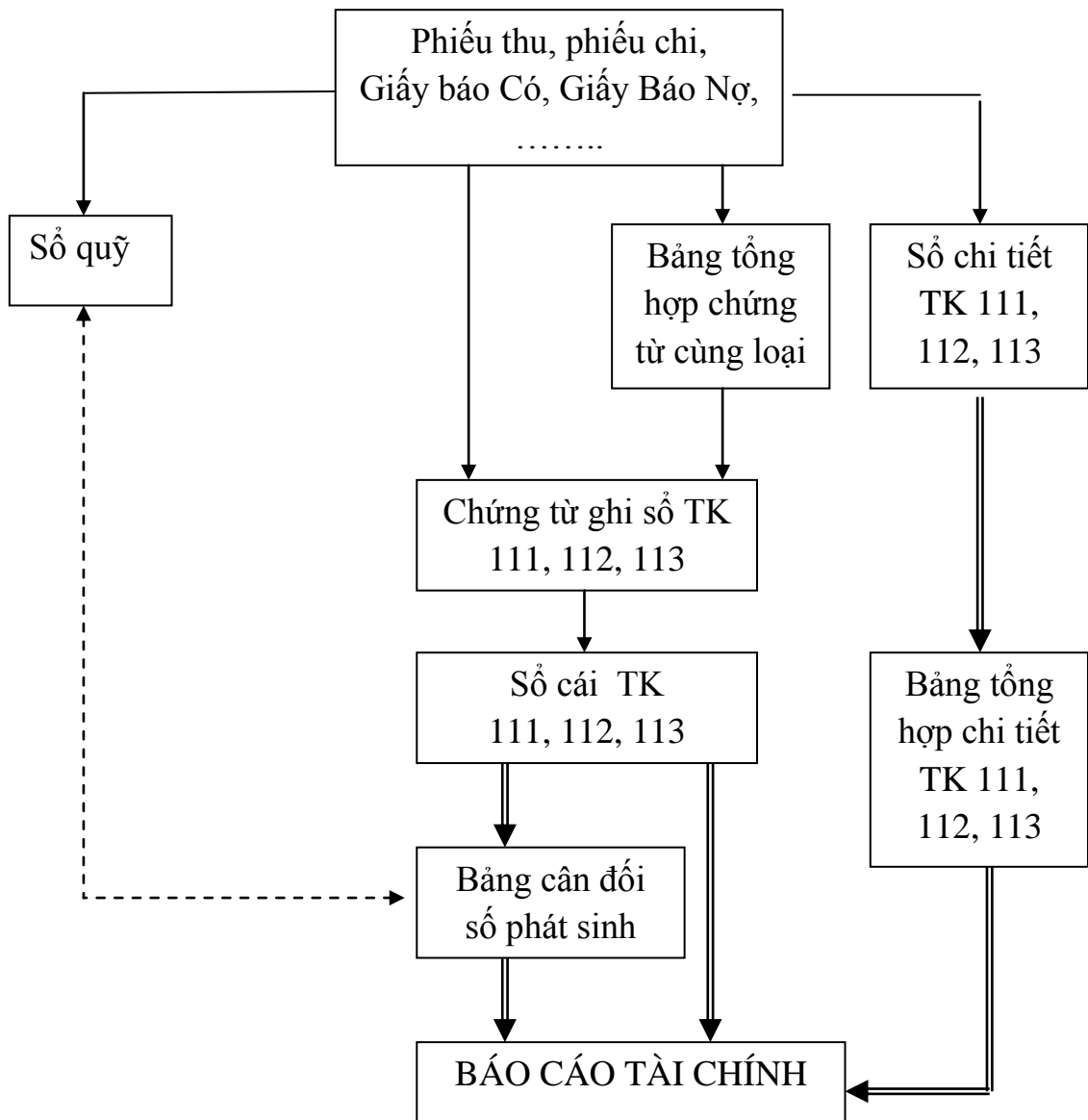


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.7 : Kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký chung

- Hình thức chứng từ ghi sổ:

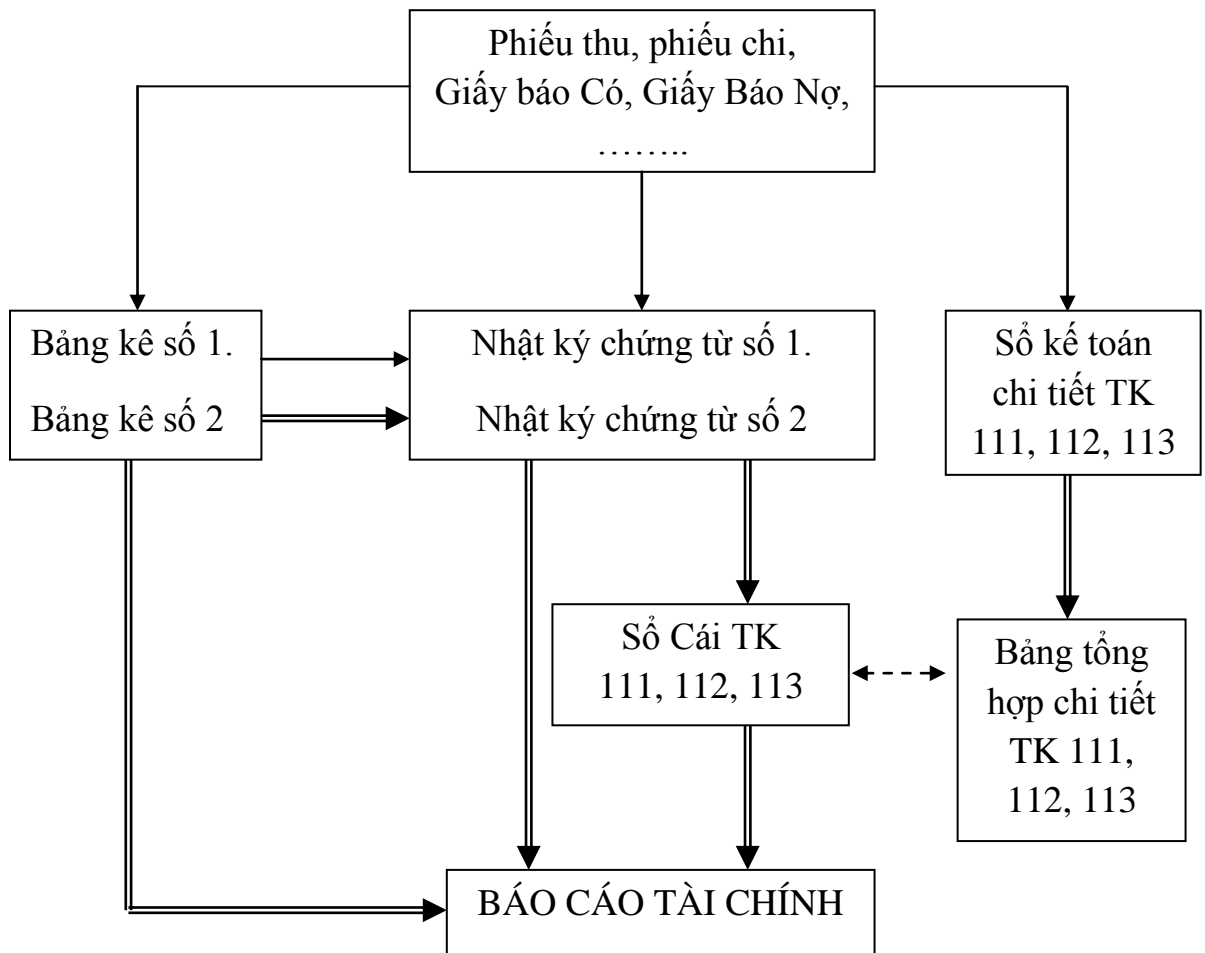


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Sơ đồ 1.8: Kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Chứng từ ghi sổ

- Hình thức Nhật ký chứng từ:



Ghi chú:

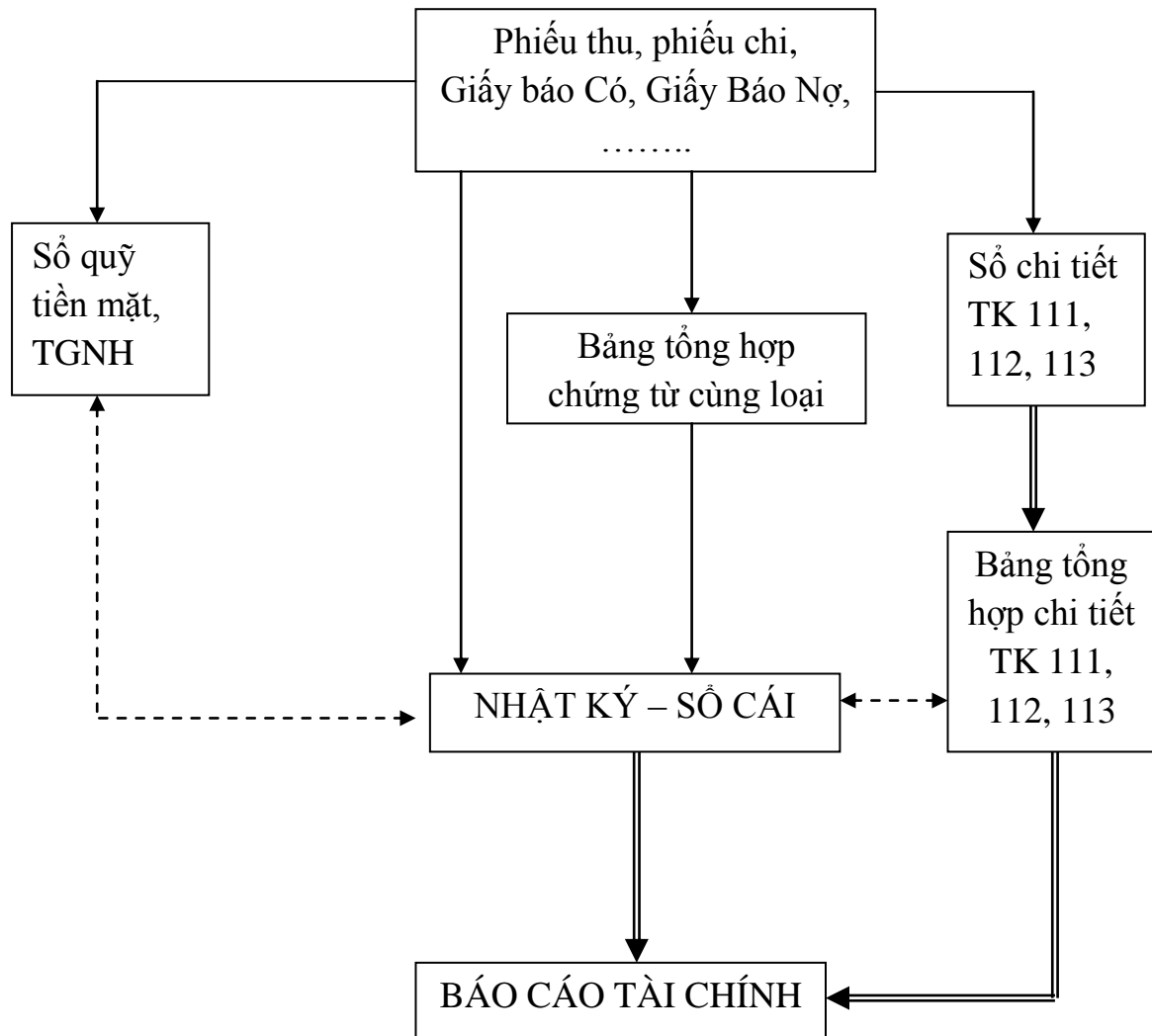
Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.9: Kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký chứng từ

- Hình thức Nhật ký – sổ cái:



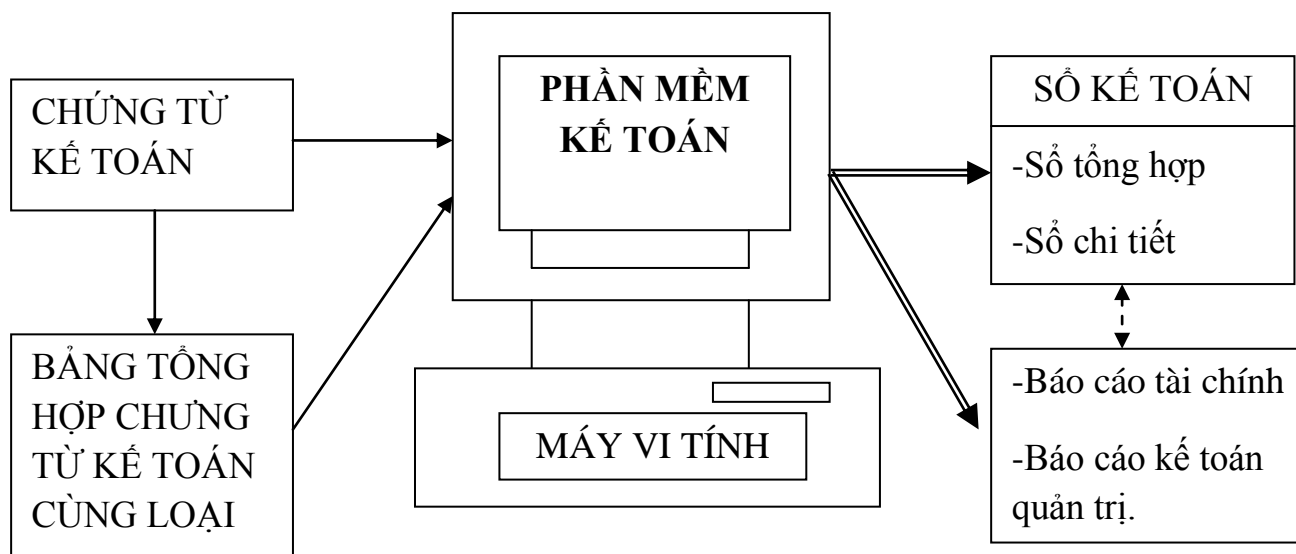
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <- - - ->

Sơ đồ 1.10: Kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký – sổ cái

- Hình thức Kế toán máy:

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán được quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiện thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày —————→

Đối chiếu, kiểm tra ←-----→

In sổ báo cáo cuối tháng, cuối năm =====>

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2: THỰC TẾ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THUỶ SỐ 4.

2.1. Tổng quan chung về Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của CT Cổ phần Vận tải thủy số 4.

- Công ty cổ phần Vận tải thủy số 4 tiền thân là công ty Vận tải sông số 4 được thành lập ngày 28 tháng 2 năm 1983 tại Quyết định số 2163/QĐ – BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải trên cơ sở được tách ra từ Xí nghiệp vận tải sông Bạch Đằng thuộc Cục đường sông Việt Nam. Từ đó đến nay Công ty đã phát triển và trưởng thành cùng với sự phát triển của ngành và đất nước, đã trải qua các cấp quản lý: Cục đường sông Việt Nam, Liên hiệp các xí nghiệp Vận tải sông 1, Tổng công ty Đường sông 1; từ tháng 1 năm 1997 là thành viên của Tổng công ty Đường sông miền Bắc. Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần. Ngày 6 tháng 4 năm 2005 Bộ giao thông vận tải có Quyết định số 926/QĐ – BGTVT chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty Vận tải thủy số 4 thành Công ty cổ phần Vận tải thủy số 4.

- Công ty có trụ sở làm việc đặt tại km7 đường 5A, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng với tổng diện tích mặt bằng là 100.000 m^2 . Khu vực văn phòng làm việc của công ty được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ cho quản lý, điều hành sản xuất thuận lợi và hiệu quả.

- Công ty cổ phần Vận tải thủy số 4 là đơn vị hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân và được mở tài khoản giao dịch tại ngân hàng, có con dấu riêng.

+ Tên giao dịch : Công ty cổ phần Vận tải thủy số 4.

+ Trụ sở: 436 Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

+ Công ty mở tài khoản giao dịch tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – chi nhánh Hồng Bàng.

+ Tài khoản số: 102010000213051

- Công ty quản lý theo chế độ một thủ trưởng, các phó giám đốc giúp việc và các phòng ban nghiệp vụ tham mưu trên cơ sở thực hiện quyền làm chủ tập thể của các cổ đông và người lao động trong công ty.

- Công ty hoạt động theo điều lệ tổ chức, quy chế quản lý điều hành mọi hoạt động của công ty, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích tập thể, lợi ích người lao động.

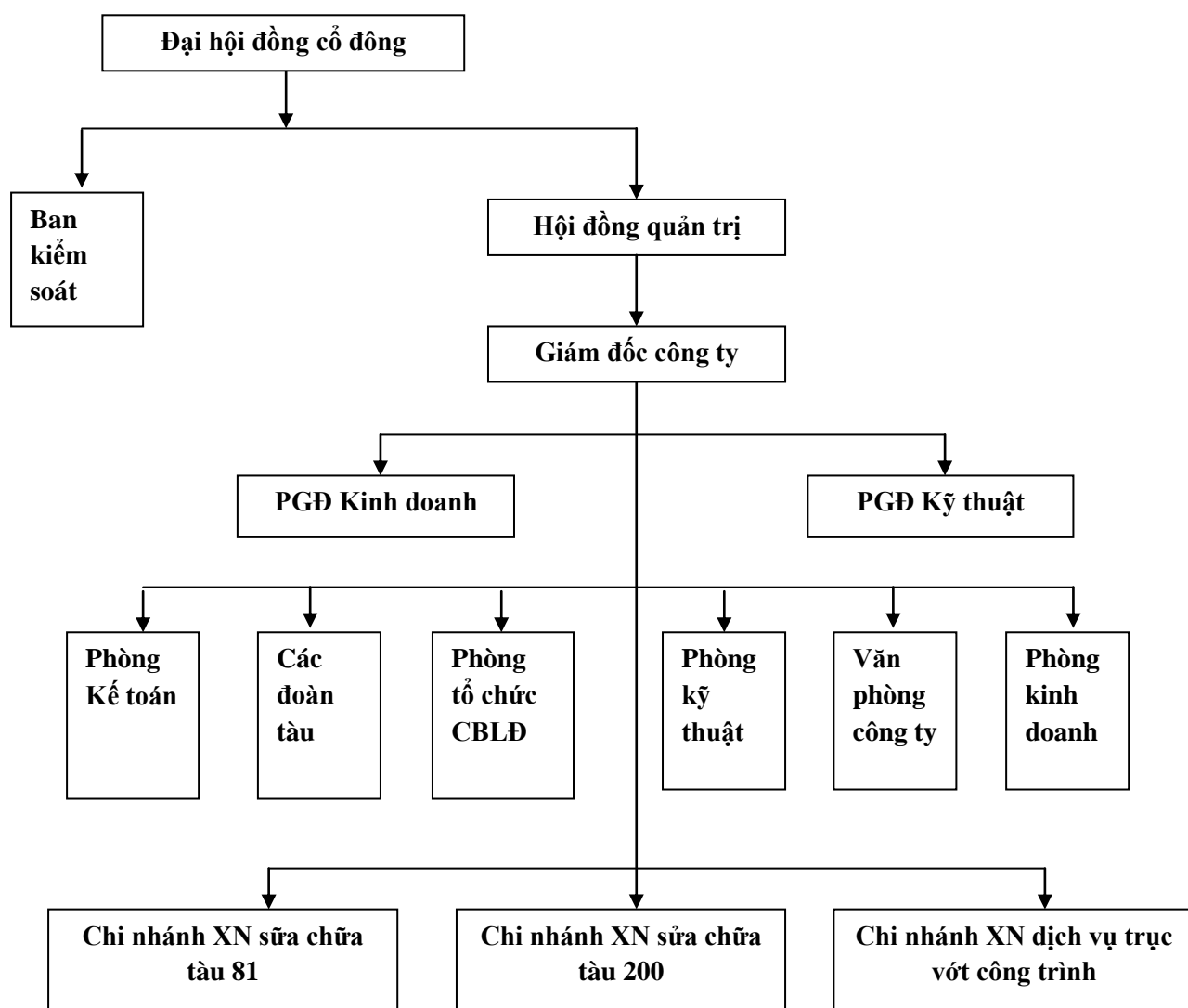
- Công ty được quản lý, khai thác toàn bộ tài sản, vật tư, tiền vốn được giao.
- Tổ chức bộ máy, tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm khai thác hết tiềm năng của công ty, đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập người lao động, sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4.

Các ngành nghề theo giấy phép kinh doanh:

- Vận tải đường thủy: Vận chuyên than phục vụ các Nhà máy điện Uông Bí, Phả Lại, Ninh Bình, đạm Hà Bắc; vận tải xi măng, lanhke, hàng siêu trường, siêu trọng, các thiết bị hàng container, sắt thép, vật liệu xây dựng ... phục vụ các công trình trọng điểm của Quốc gia, các ngành kinh tế quốc dân và phục vụ an sinh.
- Đại lý vận tải.
- Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền: Sửa chữa đóng mới các phương tiện vận tải thủy nội địa; kinh doanh dịch vụ khai thác cầu tàu, bến bãi, kho hàng, trục vớt thanh thải các chướng ngại vật, phương tiện chìm đắm trên sông; phục vụ và xây dựng công trình giao thông thủy, bộ và kinh doanh thương mại.
- Xây dựng các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi và san lấp mặt bằng.
- Tái chế phế liệu, phế thải kim loại.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty CP Vận tải thủy số 4.



Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần vận tải thủy số 4

➤ Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua định hướng phát triển của công ty.
- Quyết định mức cổ tức hằng năm, bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty.
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.

➤ **Ban kiểm soát :**

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm.
- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

➤ **Hội đồng quản trị:**

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó.
- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty.
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty.
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

➤ **Giám đốc:**

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty.
- Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ

các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động trong công ty.
- Tuyển dụng lao động.
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

➤ **Phó giám đốc:**

- Chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề thuộc nội bộ Công ty. Nghiên cứu các thông tin ngoài thị trường và hoạt động của công ty ngoài thị trường. Phó giám đốc giúp giám đốc chỉ huy mọi hoạt động của công ty.

➤ **Phòng kinh doanh:**

- Trực thuộc giám đốc công ty.
- Là phòng tham mưu.
- Nhiệm vụ: Phòng kinh doanh có nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc về lĩnh vực sản xuất kinh doanh, khai thác phương tiện vận tải, giúp giám đốc soạn thảo, kiểm tra các hợp đồng kinh tế trong lĩnh vực vận tải; tham mưu cho giám đốc về công tác điều độ các đoàn tàu nhằm thực hiện các hợp đồng vận chuyển có hiệu quả kinh tế cao; tham mưu các công tác pháp chế an toàn lao động, xác nhận thanh toán lương.

➤ **Phòng tổ chức cán bộ lao động:**

- Tham mưu cho giám đốc về việc tổ chức quản lý, tuyển dụng và đào tạo lao động
- Quản lý hồ sơ nhân sự. Tiến hành soạn thảo, tiếp nhận, phân phối và lưu trữ các công văn giấy tờ.
- Chịu trách nhiệm tổ chức các sự kiện, đón tiếp khách.
- Theo dõi chấm công, tính lương và các khoản BHYT, BHXH, BHTN; đảm bảo chế độ chính sách cho người lao động.
- Thông báo số lượng lao động ăn ca cho nhà bếp
- Trực tiếp quản lý 2 bộ phận: nhà bếp, bảo vệ

Bộ phận nhà bếp: đảm bảo đủ khẩu phần ăn cho nhân viên trong công ty, thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm, chuẩn bị nước uống cho các bộ phận trong công ty

Phòng bảo vệ: đảm bảo an ninh trật tự trong công ty, bảo vệ tài sản.

➤ **Các xí nghiệp thành viên:**

- Công ty cổ phần Vận tải thủy số 4 có 3 xí nghiệp thành viên làm nhiệm vụ sửa chữa lớn và nhỏ các phương tiện của công ty và các hoạt động phương tiện thủy của hành khách. Ngoài ra, còn làm công tác dịch vụ khác như trực đảm phương tiện của công ty, cho thuê bến bãi, cầu tàu.

➤ **Phòng kỹ thuật:**

- Chịu trách nhiệm bảo hành, tư vấn cho khách hàng.
- Đảm bảo tính pháp lý với các thiết bị, phương tiện.
- Đảm bảo công tác an toàn lao động, an toàn phong chống cháy nổ.

➤ **Phòng kế toán**

- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp lệnh kế toán thống kê và các văn bản quy phạm khác có liên quan trong hoạt động tài chính kế toán của Công ty.

- Trưởng phòng tài chính kế toán phải tổ chức bộ máy chuyên môn nghiệp vụ có đủ năng lực đáp ứng đủ nhu cầu quản lý tài chính và yêu cầu cung cấp thông tin nhanh của Giám đốc công ty mọi lúc mọi nơi.

- Quản lý các nguồn tài chính của công ty, tổ chức huy động vốn và sử dụng vốn vào phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty trên cơ sở phương án kinh doanh có hiệu quả kinh tế.

- Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán của công ty phù hợp với mô hình sản xuất của công ty với bộ máy linh hoạt và gọn nhẹ.

- Tổ chức ghi chép, tính toán phản ánh chính xác, trung thực kịp thời đầy đủ toàn bộ tài sản.. Tính toán và trích nộp đúng đủ và kịp thời các khoản nộp ngân sách, thanh toán đúng hạn các khoản vay, các khoản công nợ phải thu, phải trả cổ tức.

- Lập đầy đủ và đúng hạn các báo cáo kế toán, tờ khai thuế GTGT, báo cáo quyết toán của công ty và cung cấp thông tin theo chế độ quy định.

- Tổ chức phân tích công tác kế toán trong công ty một cách thường xuyên nhằm đánh giá đúng đắn tình hình, kết quả hoạt động sản xuất của công ty.

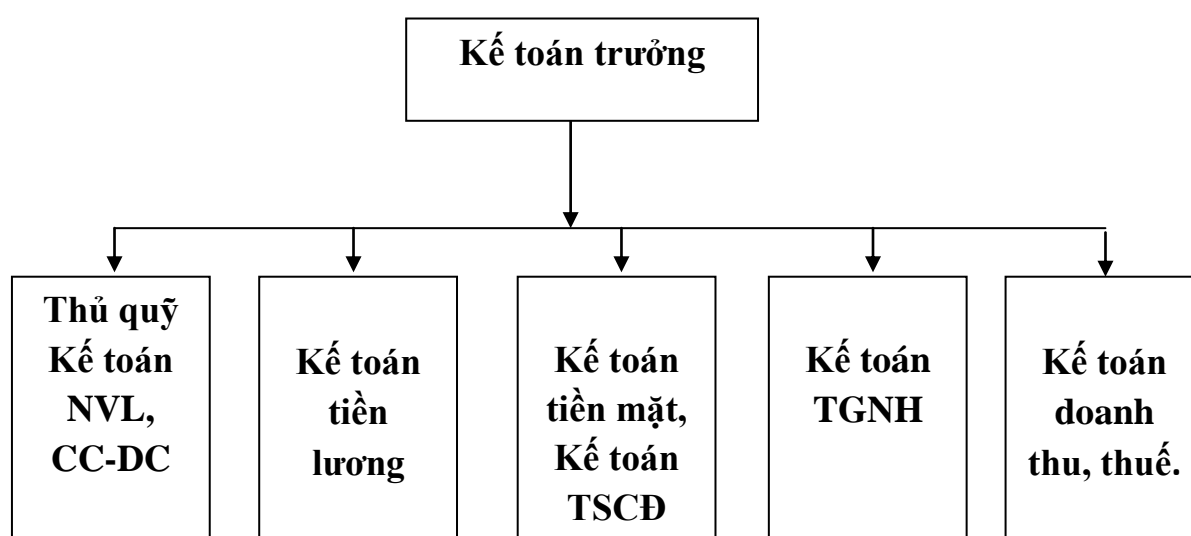
- Kế toán trưởng công ty chịu trách nhiệm trực tiếp với giám đốc về công việc thuộc nhiệm vụ của phòng tài chính kế toán, có quyền phân công chỉ đạo trực tiếp các nhân viên thuộc trong phòng kế toán của công ty.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty CP Vận tải thủy số 4.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4.

➤ **Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán:**

- Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Toàn bộ công việc kế toán được thực hiện tập trung ở phòng kế toán. Tại phòng tài chính- kế toán, kế toán tiến hành kiểm tra chứng từ ban đầu, phân loại xử lý ghi sổ, hệ thống hoá số liệu, thực hiện chế độ báo cáo tài chính tháng, quý, năm để cung cấp thông tin kế toán phục vụ yêu cầu quản lý tài chính và cung cấp với các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định.



Sơ đồ 2.2: Cơ cấu bộ máy của phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải thủy số 4

✓ ***Kế toán trưởng:***

- Điều hành, chỉ đạo công tác kế toán trong công ty:
 - +Sắp xếp, tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và khả năng chuyên môn của từng nhân viên kế toán.
 - +Phổ biến, hướng dẫn các kiến thức nghiệp vụ tài chính và các thông tư, quyết định mới... của Bộ Tài chính có liên quan đến hoạt động kế toán tại công ty.
- Kế toán tổng hợp, lập các báo cáo tài chính, phân tích các chỉ tiêu tài chính
- Chịu trách nhiệm về những thông tin được trình bày trên các sổ sách báo cáo kế toán
- Lập kế hoạch và báo cáo thường xuyên cho giám đốc tình hình chi tiêu tại

công ty.

- Báo cáo những vướng mắc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và phối hợp với các bộ phận, phòng ban khác đề xuất các giải pháp giải quyết các vướng mắc này.

✓ **Kế toán tiền mặt :**

- Chịu trách nhiệm bảo quản tiền mặt, thực hiện thu chi đối với các chứng từ đã được phê duyệt.

- Cập nhật chứng từ gốc liên quan đến phiếu thu, phiếu chi tiền mặt ghi nhận vào sổ kế toán.

✓ **Kế toán tiền gửi ngân hàng:**

- Cập nhật số liệu và đối chiếu với kế toán công nợ về các khoản vay, các khoản phải trả nợ ngân hàng.

- Căn cứ vào nhu cầu vốn sản xuất được quyết để lập giấy đề nghị vay vốn.

- Thực hiện thanh toán đối với các đơn vị có liên quan bằng chuyển khoản.

✓ **Kế toán tài sản cố định:**

- Cập nhật tình hình nhập, xuất, tồn kho về số lượng và giá trị của các loại TSCĐ.

- Tính khấu hao tài sản cố định, phân bổ công cụ dụng cụ.

- Lập báo cáo kế toán về tình hình tăng giảm tài sản cố định.

- Cuối tháng tính khấu hao TSCĐ và đối chiếu với số liệu của kế toán tổng hợp

✓ **Kế toán nguyên vật liệu, công cụ - dụng cụ:**

- Theo dõi tình hình biến động về mặt số lượng và chất lượng, giá trị của các loại vật tư, nguyên liệu đầu vào.

- Hàng ngày căn cứ vào yêu cầu vật tư của công ty để đáp ứng yêu cầu vật tư trong công ty, đảm bảo thời gian, số lượng và giá trị.

- Thường xuyên theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn và giá trị của các loại NVL, CC – DC đồng thời xuống kho tại các phân xưởng để kiểm tra.

- Cuối tháng lập bảng phân bổ NVL – CCDC đối chiếu với số liệu của kế toán tổng hợp.

✓ ***Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương:***

- Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.
- Hàng tháng căn cứ vào quy định lương, bảng chấm công trong tháng để kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, chính xác của các số liệu có chữ ký của trưởng các bộ phận liên quan từ phòng tổ chức cán bộ lao động chuyển sang.
- In bảng lương, ngày 10 tạm ứng lương hàng tháng. Ngày 12 tháng sau hoàn thành hạch toán lương tháng trước, lập phiếu kế toán vào sổ chi tiết, đối chiếu với kế toán tổng hợp.

✓ ***Kế toán doanh thu, kế toán thuế:***

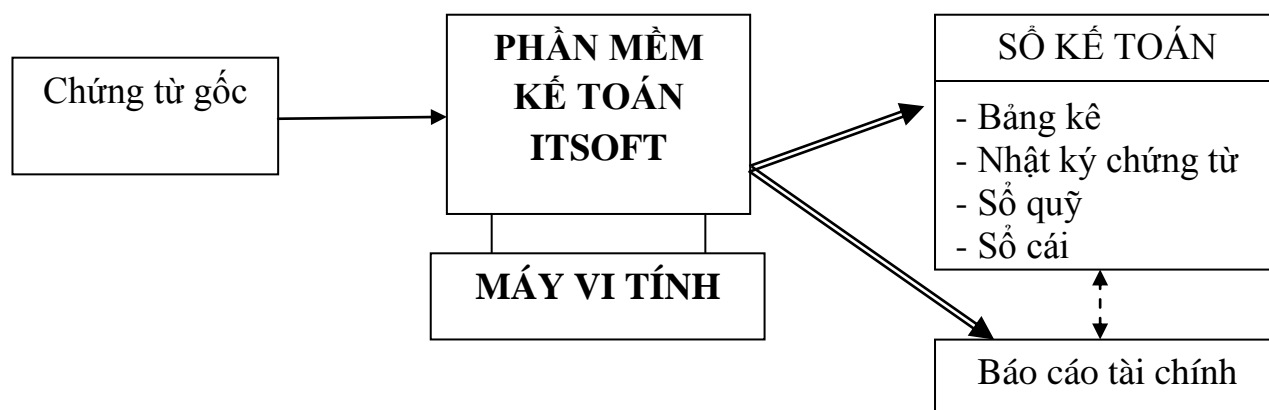
- Chịu trách nhiệm kế toán doanh thu.
- Chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, quyết toán toàn bộ các khoản thuế trong công ty (Thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN) theo đúng thời gian quy định. Cập nhật, nghiên cứu, phản ánh kịp thời chính sách thuế mới.

✓ ***Thủ quỹ:***

- Xuất, nhập quỹ tiền mặt theo phiếu thu phiếu chi đã được phê duyệt.
- Quản lý, bảo quản tiền mặt.
- Lập sổ quỹ và báo cáo quỹ hàng ngày, ghi chép liên tục các khoản thu chi quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

2.1.4.2. Hình thức kế toán, các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4.

- Hiện tại công ty Cổ phần vận tải thủy số 4 áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính theo hình thức nhật ký chứng từ.
- Công ty sử dụng phần mềm: ITSOFT
- Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính:



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày —————▶
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm ══════════▶
- Đối chiếu, kiểm tra ←-----▶

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4.

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối năm, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

- Giao diện phần mềm kế toán máy ITSOFT:



Biểu 2.1: Giao diện phần mềm kế toán máy ITSOFT tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4

✓ Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4.

- Công ty Cổ phần vận tải thủy số 4 áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Các chính sách, phương pháp kế toán đang áp dụng:
 - + Kế toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.
 - + Kế toán chi tiết hàng tồn kho: theo phương pháp thẻ song song.
 - + Tính giá hàng xuất kho: theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.
 - + Tính và nộp thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.
 - + Tính khấu hao TSCĐ: theo phương pháp khấu hao đều.
 - + Niên độ kế toán: Từ 1/1/N đến 31/12/N
 - + Đơn vị tiền tệ sử dụng tại Công ty Cổ phần vận tải thủy số 4: VNĐ

2.2. Thực tế tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại CT Cổ phần Vận tải thủy số 4.

2.2.1. Kế toán tiền mặt VNĐ tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4.

2.2.1.1. Tài khoản sử dụng:

- Công ty Cổ phần vận tải thủy số 4 không sử dụng ngoại tệ
- Để hạch toán tiền mặt kế toán sử dụng tài khoản 111 -“ Tiền Mặt”- Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thu chi tồn quỹ tiền mặt của Công ty bao gồm:

- + Tài khoản 1111: Tiền mặt Việt Nam.

2.2.1.2. Chứng từ sử dụng:

Tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4 sử dụng các chứng từ sau:

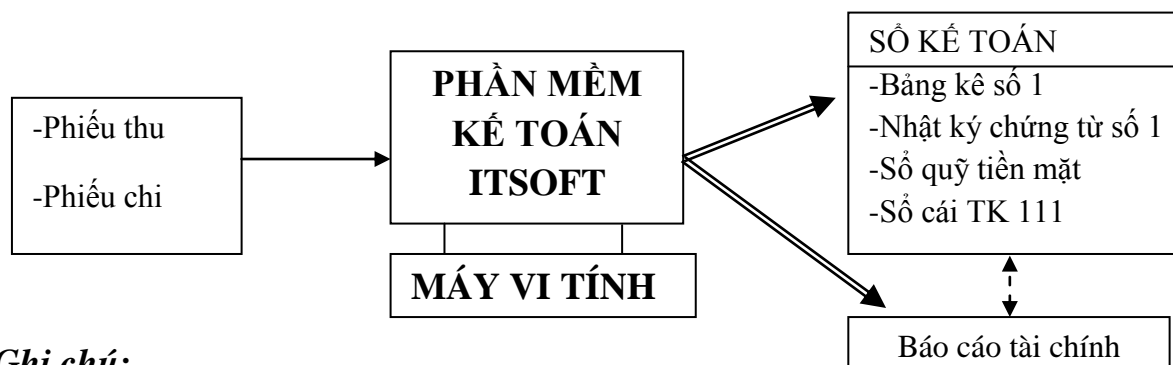
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 – TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05 – TT)
- Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT)
- Phiếu chi. (Mẫu số 02 – TT)

2.2.1.3. Các sổ sách kế toán:

- Nhật ký chứng từ số 1
- Bảng kê số 1
- Sổ quỹ tiền mặt
- Sổ cái tài khoản 111

2.2.1.4. Trình tự hạch toán tiền mặt tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4.

- Quy trình luân chuyển chứng từ



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày \longrightarrow

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra $\longleftarrow \text{---} \longrightarrow$

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán tiền mặt VNĐ tại Công ty CP Vận tải thủy số 4

➤ Một số nghiệp vụ kế toán tiền mặt VNĐ tại Công ty cổ phần Vận tải thủy số 4.

Tháng 12/2010, Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4 có rất nhiều nghiệp vụ phát sinh thực tế liên quan đến tiền mặt, sau đây em xin trích dẫn một số nghiệp vụ.

Nghiệp vụ 1: Ngày 19/12/2010, Công ty Xi măng Hải Phòng đã thanh toán tiền cước vận chuyển cho Công ty ,số tiền 15.987.000 đồng bằng tiền mặt, thuế suất GTGT là 10%.


Khi bán hàng công ty Cổ phần vận tải thủy số 4 đã lập hoá đơn GTGT (Biểu 2.2) thành ba liên:

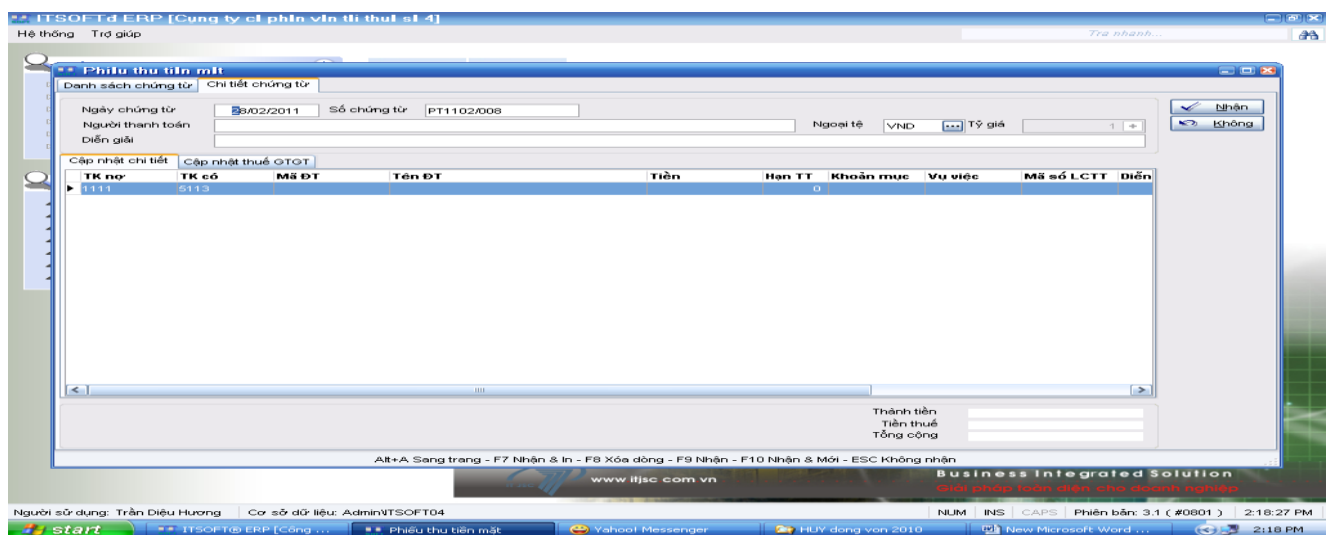
- + Liên 1(màu tím): Lưu
- + Liên 2(màu đỏ) : Giao khách hàng
- + Liên 3(màu xanh): Nội bộ.

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		LS/2010 B			
Liên 3 : Nội bộ		0006662			
<i>Ngày 19 tháng 12 năm 2010</i>					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4					
Địa chỉ: Km5A, đường Hùng Vương, phường Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại:	MS:	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>		
Họ tên người mua hàng: Trần Thanh Bình					
Tên đơn vị: Công ty Xi Măng Hải Phòng					
Địa chỉ: Thủy Nguyên, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: <i>TM</i>	MS:	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/>	<input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Sà lan SL36 vận chuyển xi măng từ Hải Phòng tới Cảng cọc 5	Tấn	300	53290	15.987.000
Cộng tiền hàng:					15.987.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		1.598.700	
Tổng cộng tiền thanh toán					17.585.700
Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu năm trăm tám năm ngàn bảy trăm đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

Biểu 2.2 : Hoá đơn GTGT

Từ Hoá đơn GTGT số 0006662, kế toán tiền mặt nhập số liệu vào phần mềm kế toán máy. Quy trình như sau:

- Khởi động phần mềm kế toán máy ITSOFT bằng cách nhấp chuột vào biểu tượng  trên màn hình Desktop của máy vi tính. Sau khi nhập mật khẩu, nhấn phím Enter để vào giao diện chính của phần mềm.
- Sau khi vào giao diện chính của phần mềm, kế toán tiền mặt lựa chọn phân hệ : **“Kế toán tiền mặt – tiền gửi/ Phiếu thu/ Mới”** để tiến hành lập phiếu thu (Biểu 2.3)
 - + Kế toán điền đầy đủ thông tin vào các phần: Ngày chứng từ; số chứng từ; người thanh toán; diễn giải
 - + Kế toán sử dụng phím :F7 (Nhận và in); F9 (Nhận); ESC (Không nhận)
 - + Kế toán in phiếu thu làm 2 liên.
- Khi lập xong phiếu thu, kế toán tiền mặt ký vào phần “Người lập” rồi chuyển lại phiếu thu cho người nộp tiền.
- Người nộp tiền ký nhận vào phần “Người nộp” và nộp tiền cho thủ quỹ.
- Thủ quỹ nhận tiền và ký nhận vào phần “Thủ quỹ” và chuyển phiếu thu cho kế toán trưởng
 - Kế toán trưởng xét duyệt và ký vào phần “Kế toán trưởng”
 - Thủ quỹ dùng phiếu thu làm căn cứ để ghi sổ quỹ.



Biểu 2.3 : Màn hình lập phiếu thu qua phần mềm kế toán máy tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THUỶ SỐ 4

436 Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng.

Tele – Fax : 0313.798315

Mẫu số 01 – TT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 19 tháng 12 năm 2010

TÀI KHOẢN GHI CÓ

PT1012/013

511	15.987.000
3331	1.598.700

Họ và tên người nộp tiền : Trần Văn Bình

Địa chỉ : Công ty Xi măng Hải Phòng.

Lý do nộp : Thanh toán tiền cước vận chuyển xi măng

Số tiền : **17.585.700 VND**

Viết bằng chữ : Mười bảy triệu năm trăm tám năm ngàn bảy trăm đồng.

Kèm theo : Chứng từ gốc

Nhận, ngày 19 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập Người nộp tiền Thủ quỹ

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):Mười bảy triệu năm trăm tám năm ngàn bảy trăm đồng./

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá

quý):.....

+Số tiền quy

đổi:.....

Biểu 2.4: Phiếu thu

Nghiệp vụ 2: Ngày 18/12/2010, chị Trần Diệu Hương mua văn phòng phẩm cho công ty theo hoá đơn bán lẻ, ngày 19/12 chị Hương viết giấy đề nghị thanh toán.

Mẫu số 01/BL

HOÁ ĐƠN BÁN LẺ

QĐ liên bộ TCTK-TN

Số:.....

Họ và tên người mua hàng: Trần Diệu Hương

Địa chỉ cơ quan: Công ty Cổ phần vận tải thủy số 4

Số TT	Tên hàng và quy cách phẩm chất	Đ.vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Thành tiền
01	Bút xoá	cái	20	12.000	240.000
02	Sổ viết	quyển	20	25.000	500.000
03	Bút bi	cái	40	28.000	56.000
04	Dập ghim	cái	5	26.000	130.000
05	Giấy in	tập	4	55.000	220.000
06	Kẹp tài liệu	cái	2	27.000	54.000
	Cộng:				1.200.000

Cộng thành tiền (bằng chữ) : Một triệu hai trăm ngàn đồng chẵn./

Ngày 18 tháng 12 năm 2010

Người mua hàng

Người viết hoá đơn

Biểu 2.5: Hoá đơn bán lẻ

TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI THUỶ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THUỶ SỐ 4

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----*-----

Hải Phòng, ngày 19 tháng 12 năm 2010

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi : GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Tên tôi là : Trần Diệu Hương

Công tác tại : Phòng kế toán

Chức danh : Kế toán viên

Xin được thanh toán cho công ty các khoản sau:

Nội dung

Tiền mua văn phòng phẩm : 1.200.000 VNĐ

Kính đề nghị giám đốc cho thanh toán số tiền trên.


GIÁM ĐỐC DUYỆT

PHÒNG KẾ TOÁN

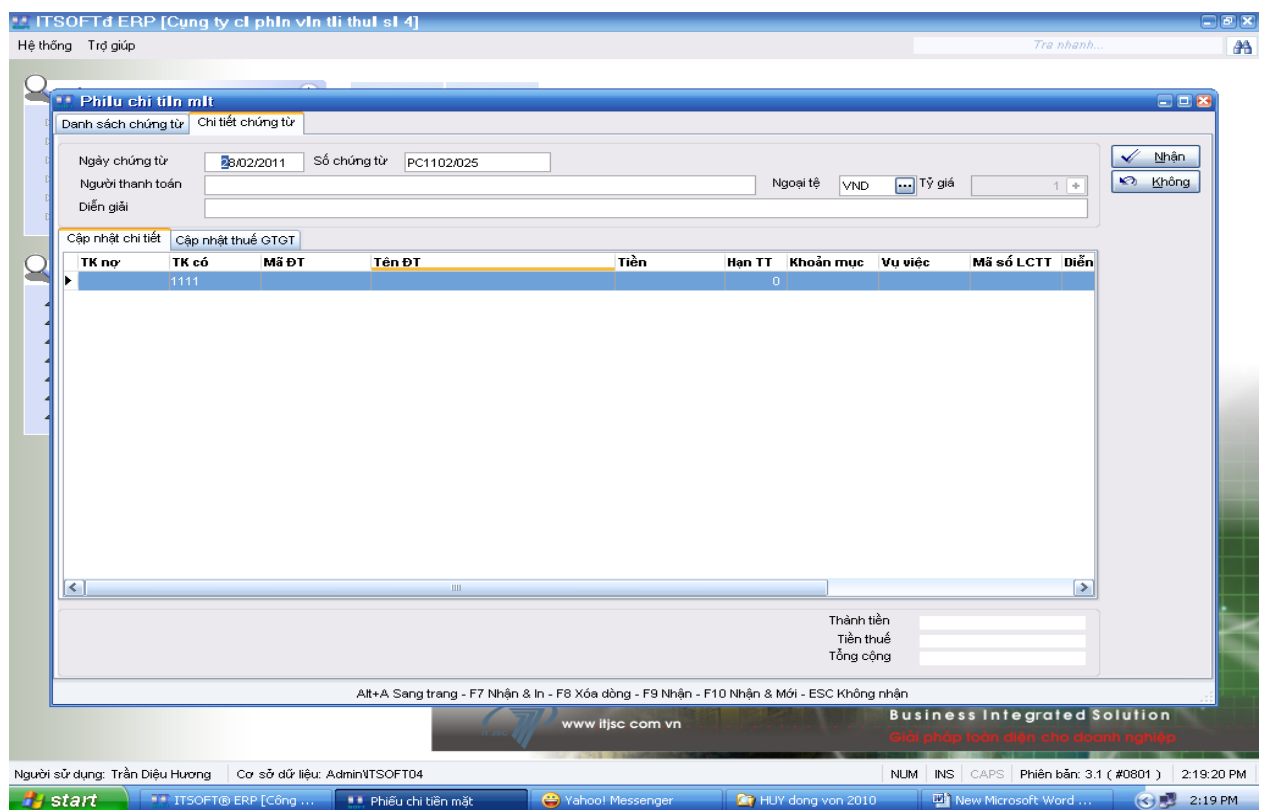
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

Mẫu biểu 2.6: Giấy đề nghị thanh toán

Từ giấy đề nghị thanh toán đã được ký duyệt, kế toán tiền mặt nhập số liệu vào phần mềm kế toán máy để viết phiếu chi. Quy trình như sau:

- Khởi động phần mềm kế toán máy ITSOFT bằng cách nhấp chuột vào biểu tượng  trên màn hình Desktop của máy vi tính. Sau khi nhập mật khẩu, nhấn phím Enter để vào giao diện chính của phần mềm.
- Sau khi vào giao diện chính của phần mềm, kế toán tiền mặt lựa chọn phân hệ : **“Kế toán tiền mặt – tiền gửi/ Phiếu Chi/ Mới”** để tiến hành lập phiếu chi (Biểu 2.7)

- + Kế toán tiền mặt điền đầy đủ thông tin vào các phần : Ngày chứng từ ; số chứng từ; người thanh toán; diễn giải .
- + Kế toán sử dụng phím : F7(Nhận và in) ; F9 (Nhận) ; ESC (Không nhận)
- Khi lập xong phiếu chi, kế toán tiền mặt ký vào phần “Người lập” rồi chuyển phiếu chi cho người nhận tiền.
- Người nhận tiền chuyển phiếu chi cho kế toán trưởng ký duyệt vào phần “Kế toán trưởng” và sau đó chuyển cho Giám đốc ký duyệt.
- Tiếp theo, người nhận tiền chuyển phiếu chi đã được Kế toán trưởng và Giám đốc ký duyệt cho thủ quỹ.
- Thủ quỹ nhận phiếu chi, ký duyệt vào phần “Thủ quỹ” và xuất tiền.
- Người nhận sau khi nhận đủ số tiền sẽ ký vào phần “ Người nhận” và viết vào dòng “ Đã nhận đủ tiền ”.



Biểu 2.7 : Màn hình lập phiếu chi qua phần mềm kế toán máy tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THUỶ SỐ 4

Mẫu số 02 – TT

436 Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

MS thuế: 0200112215

Tele – Fax : 0313.798315

PHIẾU CHI

Ngày 19 tháng 12 năm 2010

PC 1012/014

TÀI KHOẢN GHI NỢ

642	1.200.000

Họ và tên người nhận tiền : Trần Diệu Hương.

Địa chỉ : Phòng kế toán

Lý do chi : Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm

Số tiền : **1.200.000 VND**

Viết bằng chữ : Một triệu hai trăm ngàn đồng chẵn.

Kèm theo : Chứng từ gốc

Nhân, ngày 19 tháng 12 năm 2010


Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

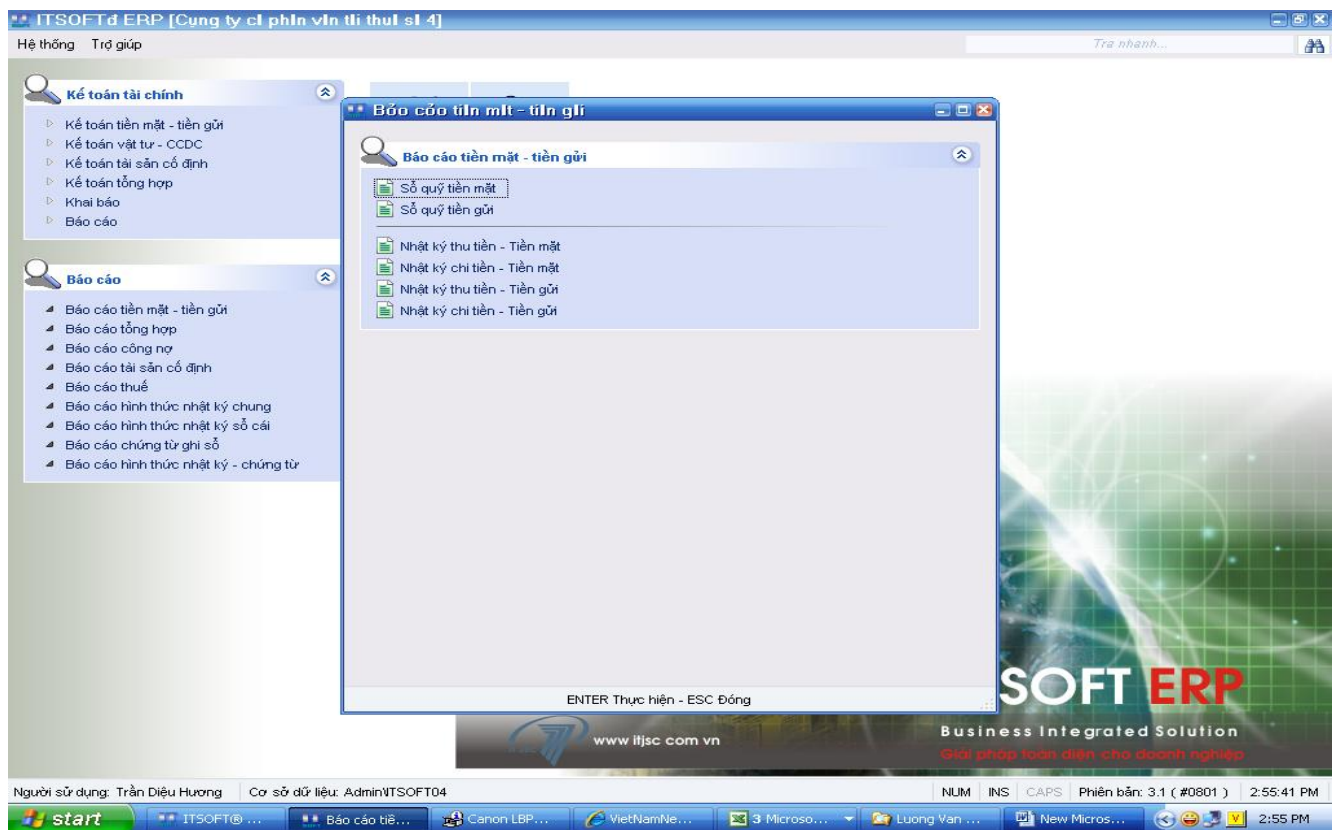
Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Một triệu hai trăm ngàn đồng chẵn./

+Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+Số tiền quy đổi :.....

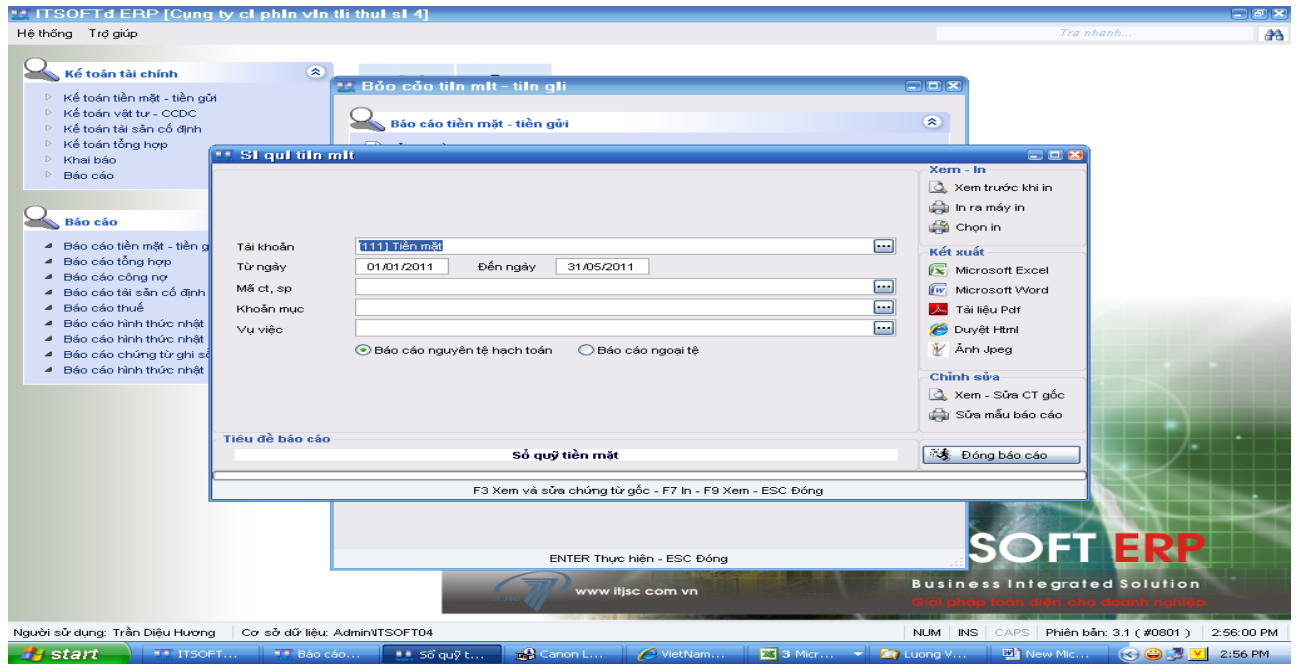
Biểu 2.8: Phiếu chi

- Tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4, việc quản lý hạch toán tiền mặt VNĐ thông qua phần mềm kế toán máy ITSOFT được phân chia cho thủ quỹ và kế toán tiền mặt.
 - Thủ quỹ có nhiệm vụ theo dõi sổ quỹ
 - Kế toán tiền mặt có nhiệm vụ theo dõi các sổ : Bảng kê số 1, Nhật ký chứng từ số 1, Sổ cái TK111
 - Để tránh xảy ra gian lận thì thủ quỹ và kế toán tiền mặt đều có mật khẩu riêng khi đăng nhập vào phần mềm kế toán.
 - Muốn xem Sổ quỹ tiền mặt, Thủ quỹ khởi động phần mềm kế toán máy ITSOFT bằng cách nhấp chuột vào biểu tượng  trên màn hình Desktop của máy vi tính. Sau khi nhập mật khẩu, nhấn phím Enter để vào giao diện chính của phần mềm. Thủ quỹ chọn phân hệ: **Tổng hợp/Báo cáo tiền mặt - tiền gửi / Sổ quỹ tiền mặt** (Biểu 2.9)



Biểu 2.9: Màn hình lựa chọn đường dẫn xem sổ quỹ tiền mặt.

- Khi màn hình máy tính hiện lên giao diện nhập thông tin để xem sổ quỹ tiền mặt (Biểu 2.10). Thủ quỹ điền đầy đủ thông tin vào các mục: Tài khoản, ngày tháng



Biểu 2.10: Màn hình nhập dữ liệu để xem sổ quỹ tiền mặt.

- Sau khi điền đầy đủ các thông tin, Thủ quỹ ấn biểu tượng “*Xem trước khi in*” để kiểm tra. Màn hình hiện lên như sau (Biểu 2.11)

SỐ CHỨNG TỬ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN		TỔN QUỸ
NGÀY	PT			THU	CHI	
01/12	PT1012001	Nộp tiền điện, tiền nước từ 20/09/2010 đến 15/11/2010 (NM019 - Công ty CP Thương mại Hoàng Sơn)	131	3 148 000		70 640 686
01/12	PT1012002	Rút tiền vay ngân hàng về quỹ (NH01 - NHCT Hồng Bàng - Hải Phòng)	3111	100 000 000		170 640 686
01/12	PT1012003	Nộp tiền cho công ty vay (CNDV - CN Cty CP VTT số 4-XNDV-TV-CT)	1368	190 000 000		360 640 686
01/12		PC1012001			2 643 000	
					100 000	
					65 000	357 832 686
01/12		PC1012002			2 191 235	
					2 194 499	
					2 351 873	
					2 363 009	
					2 369 153	
					2 399 405	
					2 403 853	
					2 518 187	
					3 050 075	
					360 000	

Biểu 2.11: Màn hình Sổ quỹ tiền mặt

- Sổ quỹ tiền mặt được in ra như biểu 2.12

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THUỶ SỐ 4

436 Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S07 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Tài khoản : 111 – Tiền mặt

Dư nợ đầu kỳ : 67.492.686

Phát sinh nợ : 4.127.708.828

Phát sinh có : 4.115.895.441

Dư nợ cuối kỳ: 79.306.073


Chứng từ			Diễn giải	Số tiền		
Ngày	PT	PC		Thu	Chi	Tồn
...
01/12/2010	PT1012/002		Rút TGNH về nhập quỹ TM	100.000.000		240.406.546
01/12/2010		PC1012/001	Thanh toán tiền phí câu phà		2.808.000	237.598.546
...
19/12/2010	PT1012/013		Công ty Xi măng Hải Phòng trả tiền cước vận chuyên	17.585.700		110.451.953
19/12/2010		PC1012/014	Chi tiền mua văn phòng phẩm		1.200.000	109.251.953
....
21/12/2010		PC1012/019	Chi thanh toán tiền mua vật tư		3.960.000	85.705.953
...
30/12/2010	PT1012/025		Rút TGNH về nhập quỹ	20.000.000		89.306.073
31/12/2010		PC1012/058	Thanh toán tiền mua quà tết DL		10.000.000	79.306.073

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

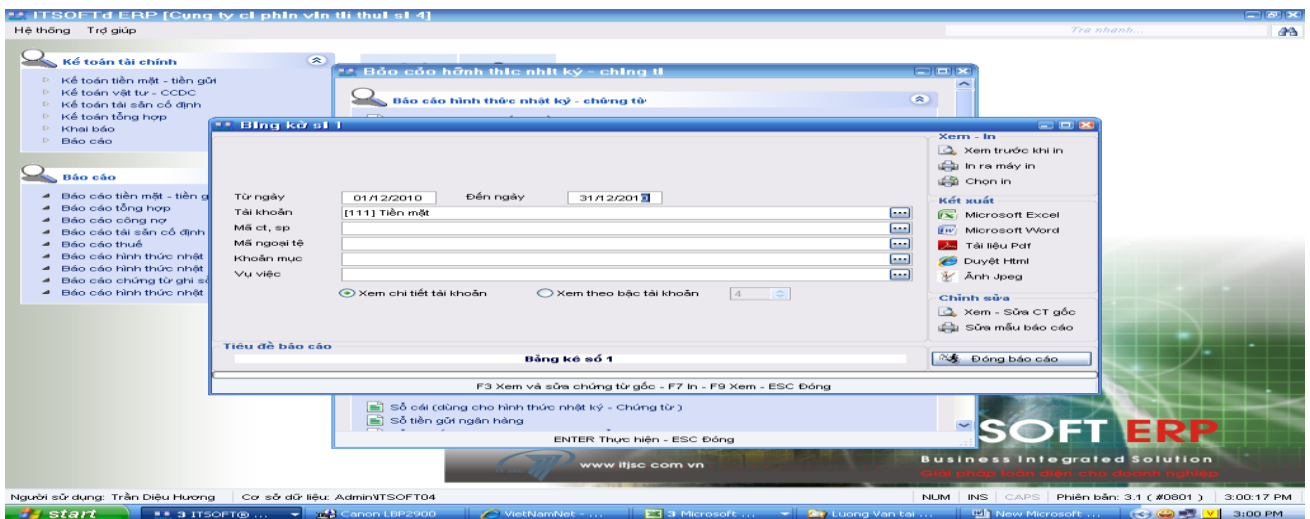
Biểu 2.12: Sổ quỹ tiền mặt

- Muốn xem Bảng kê số 1, Kế toán tiền mặt khởi động phần mềm kế toán máy ITSOFT bằng cách nhấp chuột vào biểu tượng  trên màn hình Desktop của máy vi tính. Sau khi nhập mật khẩu, nhấn phím Enter để vào giao diện chính của phần mềm. Kế toán tiền mặt lựa chọn phân hệ: **Tổng hợp/Báo cáo/Báo cáo hình thức NKCT** (Biểu 2.13).



Biểu 2.13: Màn hình lựa chọn đường dẫn xem báo cáo theo hình thức Nhật ký chứng từ

- Kế toán tiền mặt kích chuột vào biểu tượng “Bảng kê số 1”. Màn hình máy tính hiện lên giao diện nhập thông tin để xem Bảng kê số 1 (Biểu 2.14). Kế toán tiền mặt điền đầy đủ thông tin vào các mục: Tài khoản, Ngày tháng.



Biểu 2.14: Màn hình nhập dữ liệu để xem Bảng kê số 1.

- Sau khi điền đầy đủ thông tin, kế toán tiền mặt lựa chọn biểu tượng “*Xem trước khi in*” để kiểm tra. Màn hình hiện lên như sau (Biểu 2.15)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI THỦY SỐ 4
436 Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng

Mẫu số S04/1
(Ban hành theo QĐ số 1 ngày 20/03/2006 của E)

BẢNG KÊ SỐ 1
Chi Nợ Tài khoản 111 - Tiền mặt
Tháng 12 năm 2010

Từ 1/3

Số dư đầu tháng:

STT	NGÀY	CỘNG NỢ TK 111	CHI NỢ TÀI KHOẢN 111, CHI CÓ CÁC TÀI KHOẢN						
			11211	131	1368	138805	138806	138808	138809
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
1	01/12/2010	293,148,000		3,148,000	190,000,000				
2	03/12/2010	249,837,000				46,227,000	689,000		2,101,000
3	07/12/2010	571,037,000		50,000,000					
4	11/12/2010	315,000							315,000
5	13/12/2010	800,355,000	550,000,000						
6	18/12/2010	45,000,000	45,000,000						
7	21/12/2010	2,497,000		2,497,000					
8	23/12/2010	17,373,000							373,000
9	25/12/2010	50,000,000	50,000,000						
10	28/12/2010	100,778,000							778,000
11	29/12/2010	496,396,625				53,347,000			
12	30/12/2010	519,333,000		2,520,000		6,966,000		9,126,000	721,000
13	31/12/2010	590,774,203				23,370,000			875,000
Cộng		3,696,843,828	645,000,000	58,165,000	190,000,000	129,910,000	689,000	9,126,000	5,163,000

Số dư cuối tháng:

Ngày...tháng...năm.....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Current Page No: 1 Total Page No: 1 Zoom Factor: 100%

Biểu 2.15: Màn hình Bảng kê số 1.

- Bảng kê số 1 được in ra như biểu 2.16

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THUỶ SỐ 4

436 Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S04b1 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ SỐ 1

Ghi Nợ Tài khoản 111 – Tiền mặt

Tháng 12 năm 2010

Số dư đầu tháng: 67.492.686

NGÀY	CỘNG NỢ TK111	GHI NỢ TÀI KHOẢN 111, GHI CÓ CÁC TÀI KHOẢN...							SỐ DƯ CUỐI NGÀY
		112	136	511	311	131	3331	
01/12/2010	293.148.000		190.000.000		100.000.000	3.148.000			237.598.546
02/12/2010	400.055.000				400.000.000				520.049.084
...
07/12/2010	571.037.000					50.000.000			86.640.416
....
13/12/2010	800.355.000	500.000.000							312.846.839
...
19/12/2010	496.396.625	45.000.000		15.987.000			1.598.700		109.251.953
...
31/12/2010	550.774.203	50.000.000			300.000.000				79.306.073
CỘNG	4.127.708.828	645.000.000	190.000.000	68.170.000	2.140.000.000	58.165.000	6.817.000	...	79.306.073


Số dư cuối ngày: 79.306.073

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

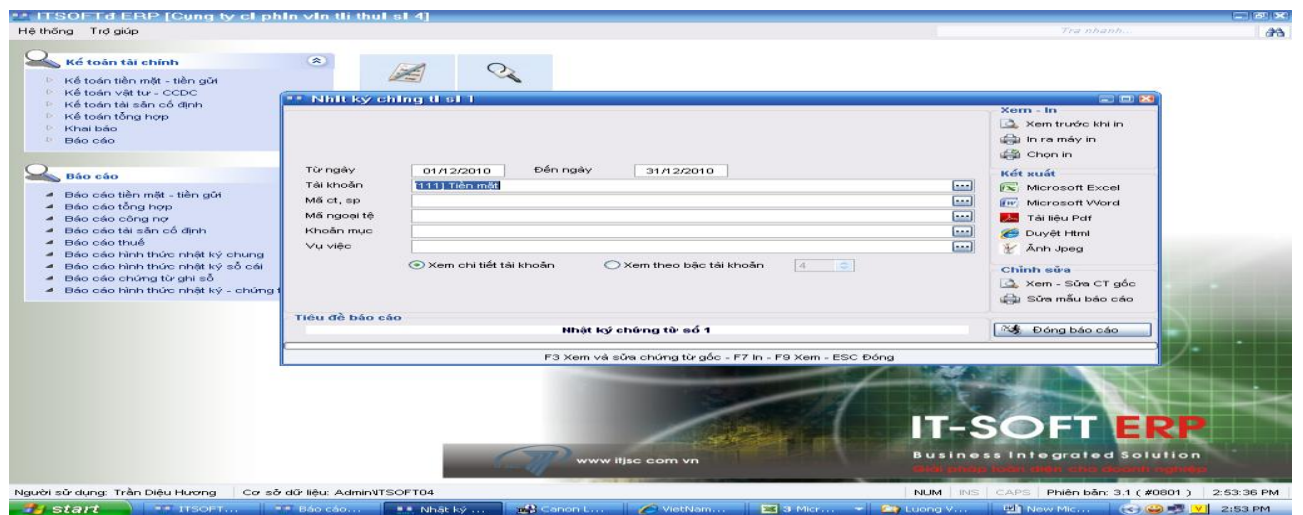
Biểu 2.16: Bảng kê số 1

- Muốn xem Nhật ký chứng từ số 1, Kế toán tiền mặt khởi động phần mềm kế toán máy ITSOFT bằng cách nhấp chuột vào biểu tượng  trên màn hình Desktop của máy vi tính. Sau khi nhập mật khẩu, nhấn phím Enter để vào giao diện chính của phần mềm. Kế toán tiền mặt lựa chọn phân hệ: **Tổng hợp/Báo cáo/Báo cáo hình thức NKCT** (Biểu 2.17).



Biểu 2.17: Màn hình lựa chọn đường dẫn xem báo cáo theo hình thức Nhật ký chứng từ

- Kế toán tiền mặt kích chuột vào biểu tượng “Nhật ký chứng từ số 1”. Màn hình máy tính hiện lên giao diện nhập thông tin để xem Nhật ký chứng từ số 1 (Biểu 2.18). Kế toán tiền mặt điền đầy đủ thông tin vào các mục: Tài khoản, Ngày tháng.



Biểu số 2.18: Màn hình nhập dữ liệu để xem Nhật ký chứng từ số 1.

- Sau khi điền đầy đủ thông tin, kế toán tiền mặt lựa chọn biểu tượng “*Xem trước khi in*” để kiểm tra. Màn hình hiện lên như sau (Biểu 2.19)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI THỦY SỐ 4
436 Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng

Mẫu số S04a1-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng B)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1
Ghi Có Tài khoản 111 - Tiền mặt
Tháng 12 năm 2010

Tờ 1/6 Số dư đầu tháng: 67,4

STT	NGÀY	CỘNG CÓ TK 111	GHI CÓ TÀI KHOẢN 111, GHI NỢ CÁC TÀI KHOẢN							SỐ DƯ CUỐI NGÀY
			11211	11215	133111	1411	1521	1524	331	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	D
1	01/12/2010	123,042,140			341,118					237,1
2	02/12/2010	117,604,462	110,000,000							520,0
3	03/12/2010	685,475,908	470,000,000							84,
4	07/12/2010	538,890,465	320,000,000			1,398,818	60,000,000			86,
5	09/12/2010	5,643,000				262,127				56,
6	10/12/2010	8,050,000				588,000				68,
7	13/12/2010	552,831,268		32,000,000		122,291				312,
8	14/12/2010	233,234,305	200,000,000			348,000				89,
9	15/12/2010	8,327,581				306,785		722,400		81,
10	16/12/2010	17,182,000				1,060,000		10,600,000		64,
11	20/12/2010	26,162,000				100,000	20,000,000			83,
12	22/12/2010	6,700,000					6,500,000			79,
13	23/12/2010	29,489,257				2,265,841				66,
14	25/12/2010	17,192,000				1,549,170				99,
15	27/12/2010	5,721,000				297,062				93,
16	28/12/2010	121,000,000	120,000,000							73,
17	29/12/2010	397,461,303				2,674,313	20,000,000	20,541,818		172,
18	30/12/2010	573,948,038				4,418,042	43,170,000	23,808,182		118,
19	31/12/2010	480,542,110				8,147,900	40,000,000	13,044,442	8,000,000	70,

Biểu 2.19: Màn hình nhật ký chứng từ số 1.

- Nhật ký chứng từ số 1 được in ra như biểu 2.20

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THUỶ SỐ 4

436 Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S04b1 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1

Ghi Có Tài khoản 111 – Tiền mặt

Tháng 12 năm 2010

Số dư đầu tháng: 67.492.686

NGÀY	CỘNG CÓ TK111	GHI CÓ TÀI KHOẢN 111, GHI NỢ CÁC TÀI KHOẢN...							SỐ DƯ CUỐI NGÀY
		112	642	133	141	152	331	
01/12/2010	123.042.140			341.118					237.598.546
02/12/2010	117.604.462	110.000.000							520.049.084
...
07/12/2010	538.890.465	320.000.000		1.398.818	60.000.000				86.640.416
...
13/12/2010	552.831.268	32.000.000		122.291					312.846.839
...
19/12/2010	17.182.000		1.200.000						109.251.953
20/12/2010	26.162.000			100.000	20.000.000			.	83.208.953
21/12/2010	29.489.257			360.000		3.600.000			85.705.953
...
31/12/2010	589.543.110			6.167.799	40.000.000	12.954.545	8.000.000		79.306.073
CỘNG	4.115.895.441	1.220.000.000	187.894.244	21.899.366	189.670.000	58.026.945	8.000.000		79.306.073

Số dư cuối ngày: 79.306.073

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

Biểu

2.20: Nhật ký chứng từ số 1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THUỶ SỐ 4

436 Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN TỔNG HỢP

Tài khoản : 111 – Tiền mặt

Từ 1/12/2010 đến 31/12/2010

Trích yếu	TKĐƯ	Số tiền	
		Nợ	Có
Số dư đầu kỳ		67.492.686	
Tổng phát sinh		4.127.708.828	4.115.895.441
Số dư cuối kỳ		79.306.073	
Tiền gửi ngân hàng	112	645.000.000	1.220.000.000
Phải thu khách hàng	131	58.165.000	
Thuế GTGT được khấu trừ HH,DV	133		21.899.366
Phải thu nội bộ	136	190.000.000	
Phải thu khác	138	71.897.000	
Tạm ứng	141	44.374.203	189.670.000
Nguyên liệu, vật liệu	152		58.026.945
Vay ngắn hạn	311	2.140.000.000	
Phải trả cho người bán	331		8.000.000
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	333	6.817.000	
Phải trả công nhân viên	334	2.705.625	1.357.289.044
Phải trả, phải nộp khác	338		18.495.400
Nợ dài hạn	342	900.000.000	800.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		350.000
Chi phí sản xuất chung	627	580.000	233.132.442
Chi phí tài chính	635		21.138.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642		187.894.244
Doanh thu bán hàng	511	68.170.000	

Biểu 2.21: Sổ cái tài khoản 111

2.2.2. Kế toán tiền gửi tại Công ty Cổ phần vận tải thủy số 4.

2.2.2.1. Tài khoản sử dụng:

- Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4 không có tiền gửi là ngoại tệ tại Ngân hàng.
 - Để hạch toán tiền gửi ngân hàng kế toán sử dụng tài khoản 112 :Tiền gửi ngân hàng

+ Tài khoản 1121: Tiền gửi Việt Nam.

2.2.2.2. Chứng từ sử dụng:

- Ủy nhiệm chi: Do kế toán doanh nghiệp lập khi cần ủy nhiệm cho Ngân hàng của mình chi trả cho bên thụ hưởng.

- Sổ phụ: Là bảng thông báo chi tiết về tiền gửi hàng ngày tại Ngân hàng của doanh nghiệp.

- Giấy báo nợ: Là thông báo ghi giảm cho tài khoản tiền gửi do Ngân hàng lập.

- Giấy báo có: Là thông báo ghi tăng cho tài khoản tiền gửi do Ngân hàng lập.

2.2.2.3. Sổ sách sử dụng:

- Sổ tiền gửi ngân hàng.

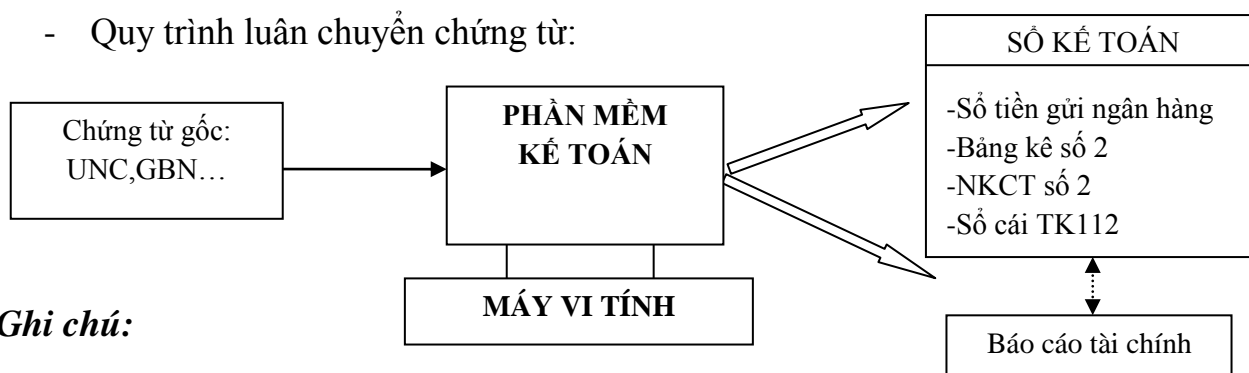
- Bảng kê số 2.

- Nhật ký chứng từ số 2.

- Sổ cái TK 112.

2.2.2.4. Trình tự kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4.

- Quy trình luân chuyển chứng từ:



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày →

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm →

Đối chiếu, kiểm tra ↔

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng.

➤ **Một số nghiệp vụ kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4:**

Nghiệp vụ 1: Ngày 20/12/2010, Tổng công ty vận tải thủy miền Bắc trả tiền vận chuyển hàng cho Công ty Cổ phần vận tải thủy số 4, số tiền 900.000.000 đồng bằng chuyển khoản.

Sau khi thấy tiền chuyển về tài khoản của Công ty Cổ phần vận tải thủy số 4 thì ngân hàng lập giấy báo có (Biểu 2.22) và sổ phụ (Biểu 2.23) và gửi về công ty.

GIẤY BÁO CÓ

VietinBank

Chi nhánh: 166 CN HỒNG BÀNG-NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN

GIẤY BÁO CÓ GIAO DỊCH LIÊN CHI NHÁNH

NH gửi lệnh: 122 CN HOÀN KIẾM – NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN

NH nhận lệnh: 166 CN HỒNG BÀNG – NHTMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Số giao dịch: DD122037 67

Ngày giờ lập : 20/12/10 15:53:23

Loại sản phẩm : 1321 CA Branch Transfer

Tag 32A: Số tiền: 900.000.000 Loại tiền: VND

Số tiền bằng chữ : Chín trăm triệu

Tag 50: KH chuyển tiền: TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI THUY

Số tài khoản: 102010000010672

Tag 52A: NH ra lệnh: 122 CN HOÀN KIẾM – NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN

Tag 57A: NH giữ TK: 166 CN HỒNG BÀNG – NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN

Tag 59: CTY CỔ PHẦN VẬN TẢI THUY SỐ 4

Số tài khoản: 102010000213051

Tag 70: Nội dung thanh toán: TRẢ TIỀN CƯỚC VẬN CHUYỂN.

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Biểu 2.22: Giấy Báo Có

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Chi nhánh: Hồng Bàng

Sổ phụ/ Statement

Tên khách hàng (<i>Customer name</i>): Công ty Cổ phần vận tải thủy số 4. Địa chỉ (<i>Address</i>): Km5A, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng	Ngày in (<i>Print out date</i>): 20/12/2010
--	--

Loại tiền gửi (*DP kind*):

Sổ tài khoản (*A/C No*):

Loại tiền (*Ccy*): VND

Tài khoản người sở hữu (*Joint A/C*):

Tình trạng tài khoản (*A/C status*) Active:

Số dư ngày trước (*Prior Statement*): 4.006.852

Số dư cuối ngày (*Ending balance*): 904.006.852

Số bút toán/ Doanh số nợ (*Less debit*):

Số bút toán/Doanh số có (*Plus debit*): 1


Ngày	Ghi chú	Nợ	Có	Số dư	Số tham chiếu
20/12/2010	Tổng công ty vận tải thủy thanh toán tiền cước vận chuyển		900.000.000	904.006.852	

Giao dịch viên

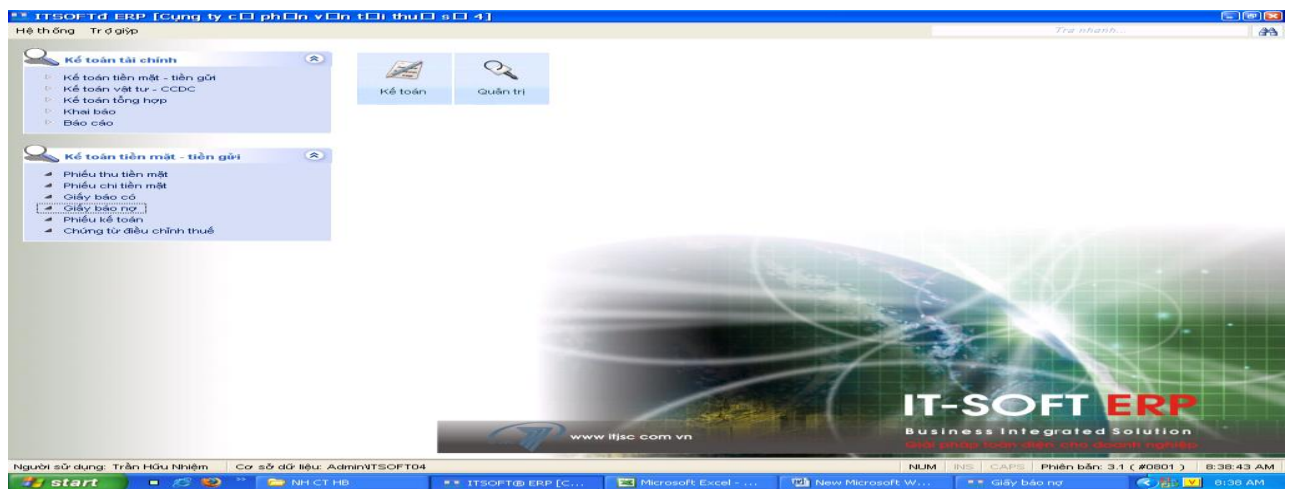
Kiểm soát viên

Biểu 2.23: Sổ phụ

Sau khi nhận được Giấy Báo Có của Ngân hàng gửi, kế toán tiền gửi ngân hàng tiến hành nhập số liệu để lập Giấy Báo Có trên phần mềm kế toán máy. Quy trình như sau:

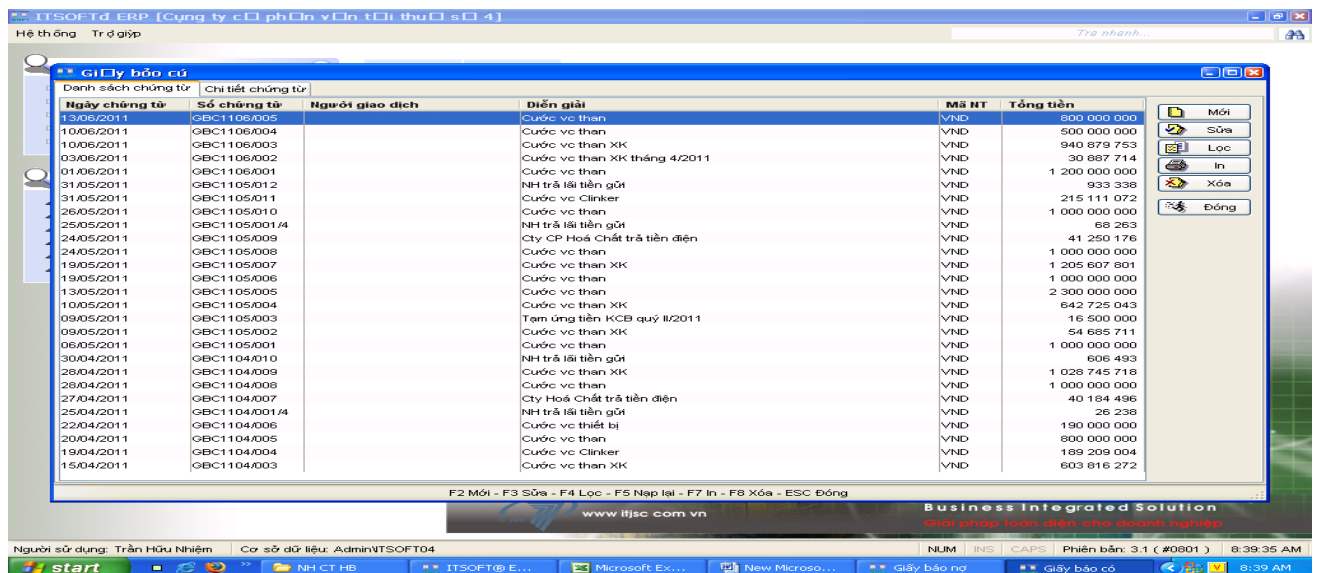
- Khởi động phần mềm kế toán máy ITSOFT bằng cách nhấp chuột vào biểu tượng  trên màn hình Desktop của máy vi tính. Sau khi nhập mật khẩu, nhấn phím Enter để vào giao diện chính của phần mềm.

- Sau khi vào giao diện chính của phần mềm, kế toán lựa chọn phân hệ : **“Tổng hợp /Kế toán tiền mặt – tiền gửi/ Giấy Báo Có”** (Biểu 2.24)



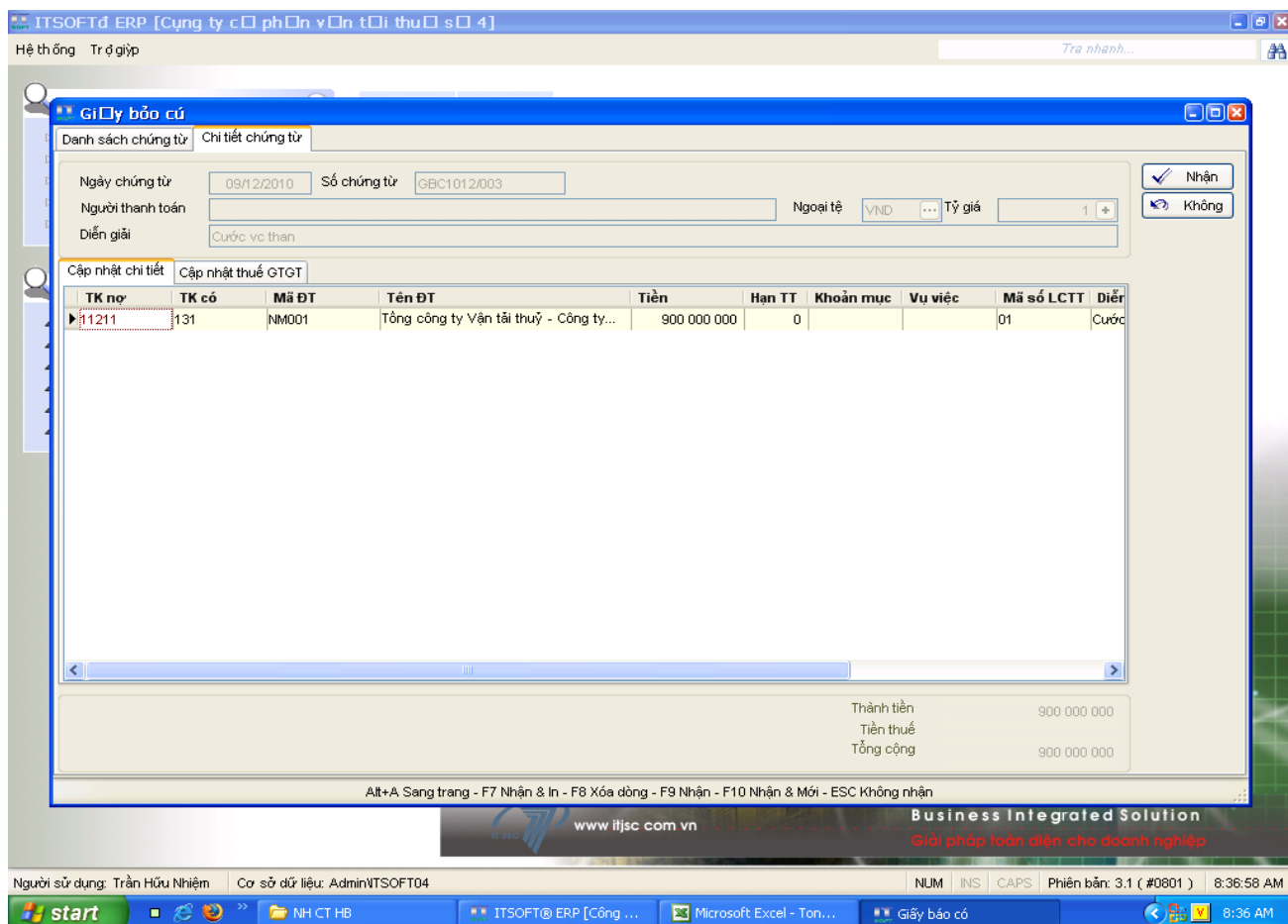
Biểu 2.24: Màn hình chọn đường dẫn để nhập số liệu từ giấy báo có của ngân hàng

- Màn hình máy tính hiện lên danh sách Giấy Báo Có như sau:



Biểu 2.25: Màn hình danh sách Giấy Báo Có trên phần mềm kế toán máy

- Kế toán tiền gửi ngân hàng ấn vào biểu tượng “Mới” để tiến hành nhập số liệu từ Giấy Báo Có (Biểu 2.26). Kế toán tiền gửi điền đầy đủ thông tin vào các mục : ngày chứng từ, số chứng từ, người thanh toán, diễn giải, tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có và ấn “Nhận” khi đã hoàn thành.



Biểu 2.26: Màn hình nhập dữ liệu để lập Giấy Báo Có trên phần mềm kế toán máy

Nghiệp vụ 3: Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4 thanh toán tiền nước cho Công ty TNHH 1 thành viên Cấp nước Hải phòng.

Khi phát sinh nghiệp vụ, kế toán tiền gửi ngân hàng lập uỷ nhiệm chi (Biểu 2.27) và chuyển cho kế toán trưởng và giám đốc ký duyệt. Sau khi ngân hàng thực hiện lệnh chi, ngân hàng gửi Giấy báo nợ (Biểu 2.28) và sổ phụ (Biểu 2.29).

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

ỦY NHIỆM CHI – PAYMENT ORDER

CHI NHÁNH HỒNG BÀNG

NGÀY (DATE): 23/12/2010 Số/No: 23

Đơn vị trả tiền/Payer: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THUỶ SỐ 4.

Tài khoản nợ/Debit A/C : 102010000213051

Tại ngân hàng/With Bank: CÔNG THƯƠNG HỒNG BÀNG HẢI PHÒNG.

Số tiền bằng số/Amount in figures : 2.183.793 VNĐ

Số tiền bằng chữ/Amount in words: Hai triệu một trăm tám ba ngàn bảy trăm chín ba đồng.

Đơn vị nhận tiền/Payee: CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

Tài khoản có/Credit A/C: 102010000200826

Tại ngân hàng/With Bank: ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Nội dung: Thanh toán tiền mua hàng.

Ngày hạch toán/Accounting date: 23/12/2010

Đơn vị trả tiền/Payer

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Kế toán

Chủ tài khoản

Biểu số 2.27: Ủy nhiệm chi

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Mã GDV:

CHI NHÁNH: HỒNG BÀNG

Mã KH :

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 23 tháng 12 năm 2010

Kính gửi : Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4.

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của Quý khách với nội dung như sau:

Số TK ghi nợ : 102010000213051

Số tiền bằng số: 2.183.793 VNĐ

Số tiền bằng chữ : Hai triệu một trăm tám ba ngàn bảy trăm chín ba đồng.

Nội dung: Thanh toán tiền nước HĐ 1511640

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Biểu số 2.28: Giấy báo nợ

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Chi nhánh: Hồng Bàng

SỔ PHỤ/Statement

Tên khách hàng (*Customer name*):

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THUỶ SỐ 4.

Ngày in (*Print out date*):

23/12/2010

Địa chỉ (*Address*): Km5A, Hùng Vương, Hồng Bàng,
Hải Phòng.

Số tài khoản (*A/C No*) : 102010000213051

Loại tiền: VNĐ

Tài khoản người sở hữu (*Joint A/C*):

Tình trạng tài khoản (*A/C status*) Active:

Số dư ngày trước (*Prior Statement*): 45.560.000

Số dư cuối ngày (*Ending balance*): 43.376.207

Số bút toán/ Doanh số nợ (*Less debit*): 1

Số bút toán/Doanh số có (*Plus debit*)


Ngày	Ghi chú	Nợ	Có	Số dư	Số tham chiếu
23/12/2010	Trả tiền nước theo HĐ 1511640	2.183.793		43.376.207	

Giao dịch viên

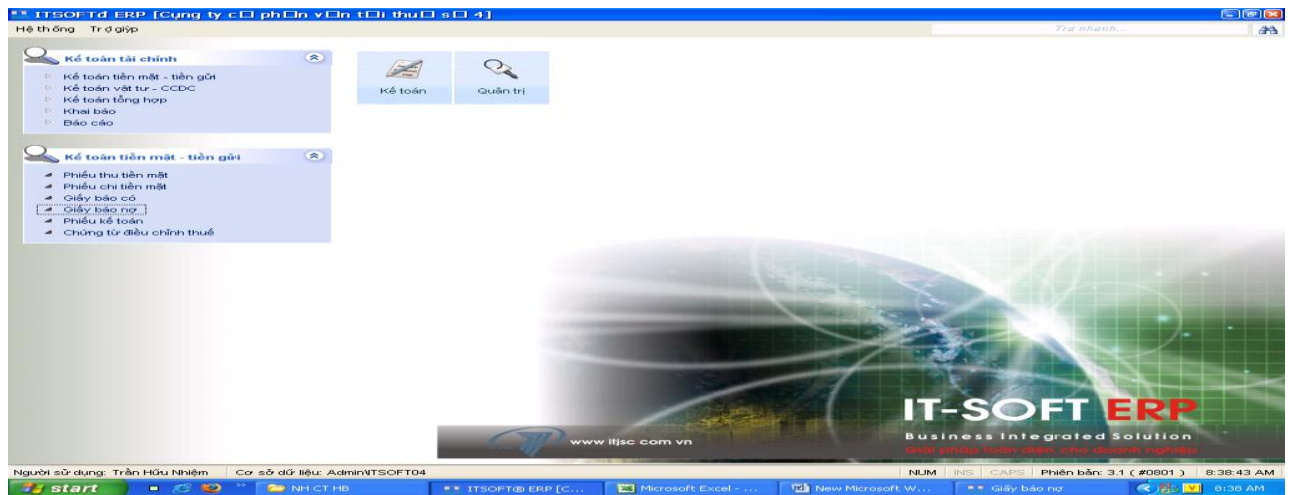
Kiểm soát viên

Biểu số 2.29: Sổ phụ

Sau khi nhận được Giấy Báo Nợ từ ngân hàng gửi về, kế toán tiến gửi ngân hàng tiến hành nhập số liệu vào phần mềm kế toán máy. Quy trình như sau:

- Khởi động phần mềm kế toán máy ITSOFT bằng cách nhấp chuột vào biểu tượng  trên màn hình Desktop của máy vi tính. Sau khi nhập mật khẩu, nhấn phím Enter để vào giao diện chính của phần mềm.

- Sau khi vào giao diện chính của phần mềm, kế toán lựa chọn phân hệ : **“Kế toán tiền mặt – tiền gửi/ Giấy Báo Nợ”** (Biểu 2.30)



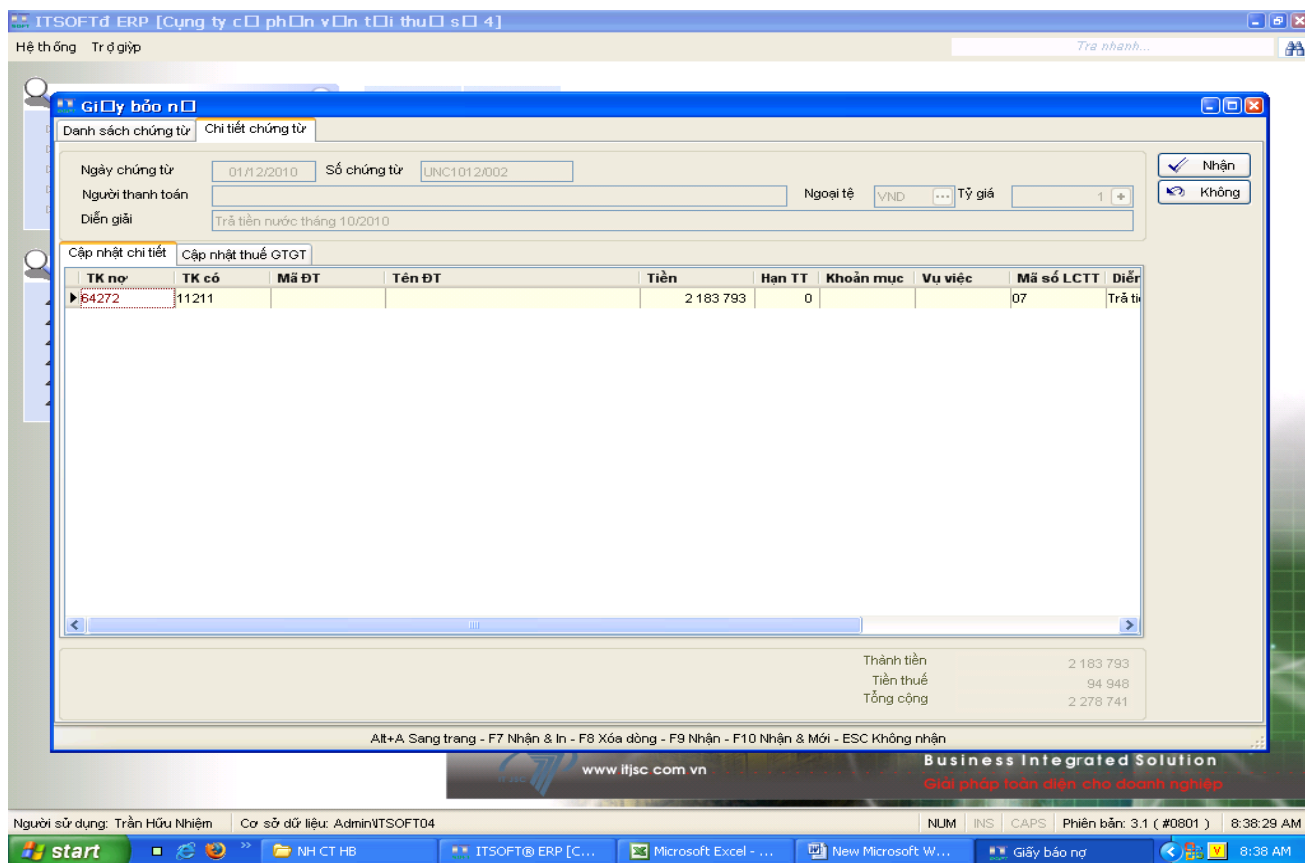
Biểu 2.30: Màn hình chọn đường dẫn để nhập số liệu từ giấy báo nợ của ngân hàng

- Màn hình hiện lên danh sách Giấy Báo Nợ như sau:

Ngày chứng từ	Số chứng từ	Người giao dịch	Diễn giải	Mã NT	Tổng tiền
13/06/2011	UNC1106/013		Trả phí chuyển tiền	VND	263 536
13/06/2011	UNC1106/012		Trả gốc vay ngắn hạn	VND	520 000 000
13/06/2011	UNC1106/011		Chuyển tiền vào TK tiền gửi tại Techcombank để trả gốc và lãi	VND	30 000 000
13/06/2011	UNC1106/010		Trả lãi vay ngắn hạn	VND	7 226 369
10/06/2011	UNC1106/009		Trả phí chuyển tiền	VND	99 000
10/06/2011	UNC1106/008		Trả gốc vay ngắn hạn	VND	1 287 672 196
10/06/2011	UNC1106/007		Trả lãi vay ngắn hạn	VND	9 736 368
06/06/2011	UNC1106/006		Trả gốc vay trung hạn TK154381	VND	325 000 000
06/06/2011	UNC1106/005		Thu nợ theo DN của CBTD	VND	79 083
01/06/2011	UNC1106/004		Trả tiền sửa chữa phương tiện	VND	150 000 000
01/06/2011	UNC1106/003		Trả phí chuyển tiền	VND	174 974
01/06/2011	UNC1106/002		Trả gốc vay ngắn hạn	VND	630 000 000
01/06/2011	UNC1106/001		Trả lãi vay ngắn hạn	VND	1 558 750
31/05/2011	UNC1105/071		Trả phí chuyển tiền	VND	11 000
31/05/2011	UNC1105/070		Đóng góp quỹ phòng chống lụt bão năm 2011	VND	5 000 000
31/05/2011	UNC1105/069		Trả tiền mua séc	VND	19 800
27/05/2011	UNC1105/068		Nộp thuế GTGT tháng 2/2011	VND	397 262 974
27/05/2011	UNC1105/067		Trả lãi vay ngắn hạn	VND	131 368
27/05/2011	UNC1105/066		Trả phí	VND	220 000
27/05/2011	UNC1105/065		Trả tiền nước tháng 2	VND	5 000 000
27/05/2011	UNC1105/064		Trả tiền nước tháng 4	VND	332 520
27/05/2011	UNC1105/063		Chuyển tiền vào TK tại BIDV Bắc HN để trả lãi vay trung hạn	VND	200 000 000
27/05/2011	UNC1105/062		Trả tiền điện thoại tháng 4	VND	6 021 267
27/05/2011	UNC1105/061		Trả tiền điện thoại máy không dây tháng 4	VND	754 519
27/05/2011	UNC1105/060		Trả gốc vay ngắn hạn	VND	110 000 000
27/05/2011	UNC1105/059		Trả gốc vay ngắn hạn	VND	150 000 000
27/05/2011	UNC1105/058		Trả phí	VND	99 000

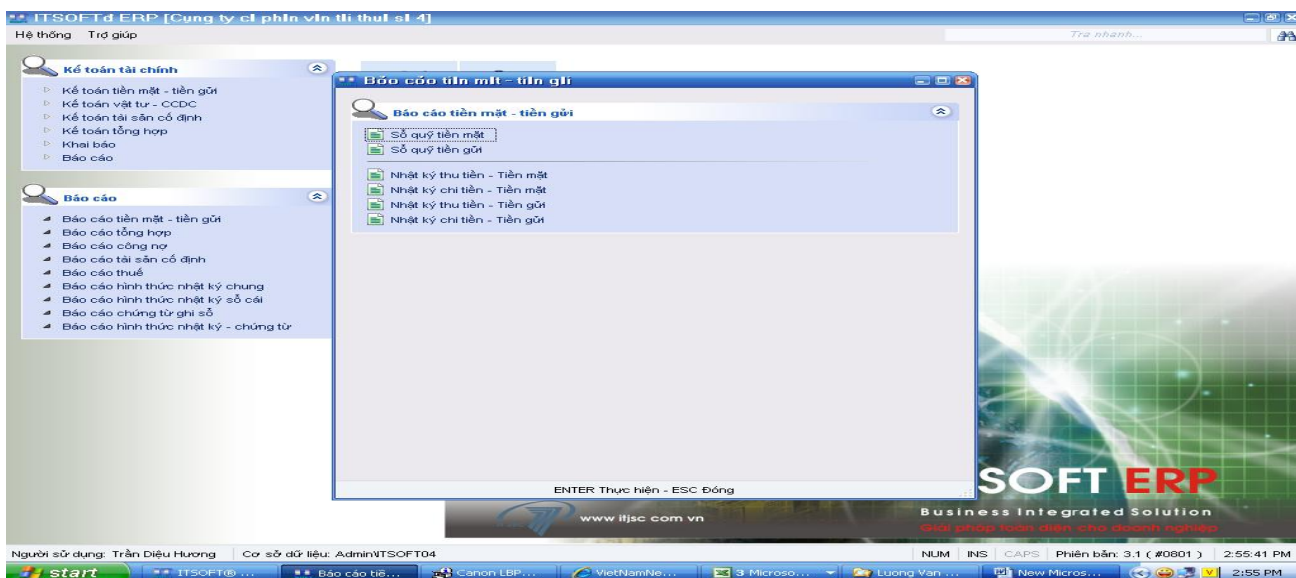
Biểu 2.31: Màn hình danh sách Giấy Báo Nợ

- Kế toán tiền gửi ngân hàng ấn vào biểu tượng “Mới” để tiến hành nhập số liệu từ Giấy Báo Nợ (Biểu 2.32) . Kế toán tiền gửi điền đầy đủ thông tin vào các mục : ngày chứng từ, số chứng từ, người thanh toán, diễn giải, tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có và ấn “Nhận” khi đã hoàn thành.



Biểu 2.32: Màn hình nhập dữ liệu để lập Giấy Báo Nợ trên phần mềm kế toán máy

- Muốn xem sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng, kế toán tiền gửi ngân hàng chọn phân hệ : **Tổng hợp/Báo cáo tiền mặt - tiền gửi / Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng** (Biểu 2.33)



Biểu 2.33: Màn hình lựa chọn đường dẫn xem sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng.

- Khi màn hình máy tính hiện lên giao diện nhập thông tin để xem sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng. Kế toán tiền gửi ngân hàng điền đầy đủ thông tin vào các mục: Tài khoản, ngày tháng. Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng được in ra như biểu 2.34

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY SỐ 4
436 Hùng Vương- Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S08 – DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010
Tài khoản : 112-Ngân hàng Công thương Hồng Bàng

Dư nợ đầu kỳ : 920.219.085
Phát sinh nợ : 9.280.789.210
Phát sinh có : 9.716.767.190
Dư nợ cuối kỳ: 484.241.102


CHỨNG TỪ			DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN		
NGÀY	GỬI	RÚT			GỬI	RÚT	SỐ DƯ
...
02/12		UNC 09	Trả tiền điện thoại Thuế GTGT đầu vào	642 133		5.524.200 552.420	213.961.930
02/12		UNC10	Chuyển tiền in hoá đơn	642		6.875.000	207.086.930
...
10/12	GNT10		Nộp tiền vào ngân hàng	111	110.000.000		110.500.000
...
20/12	GBC20		Thu tiền cước vận chuyển	131	900.000.000		904.006.852
...
23/12		UNC23	Trả tiền nước	642		2.183.793	43.376.207
...
31/12	GBC25		Thu cước vận chuyển than theo HĐ	131	60.000.000		875.773.257
...
31/12		UNC37	Trả gốc vay ngắn hạn	311		424.862.144	484.241.102

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi số

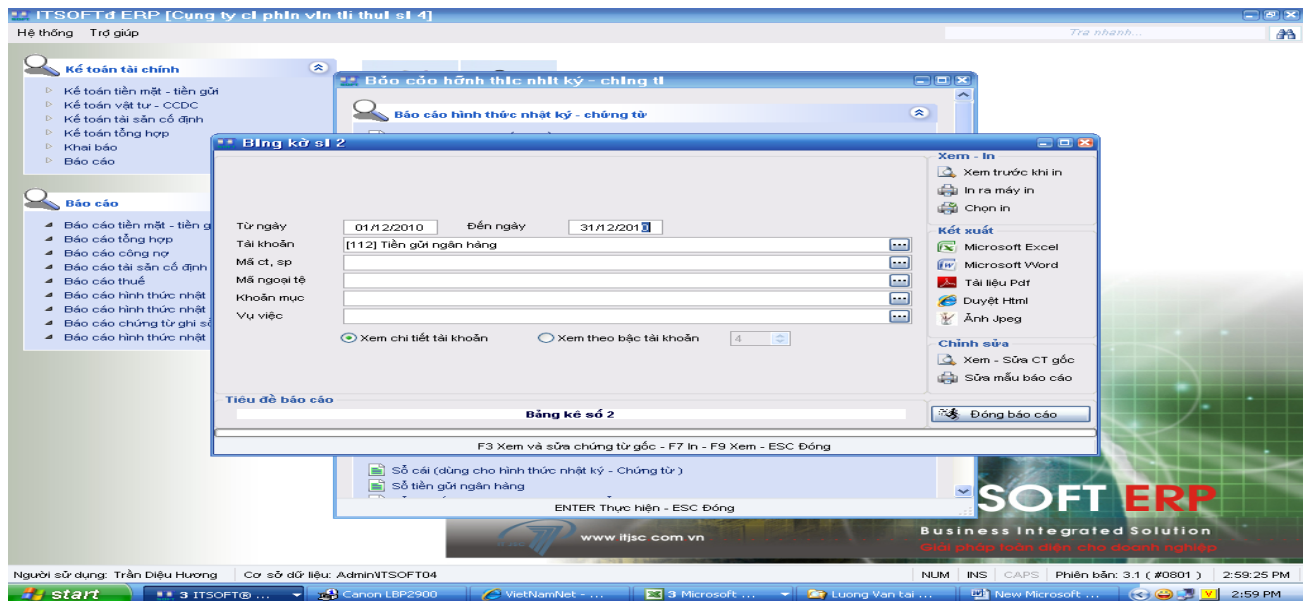
Biểu 2.34: Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng

- Muốn xem Bảng kê số 2, Kế toán tiền gửi ngân hàng khởi động phần mềm kế toán máy ITSOFT bằng cách nhấp chuột vào biểu tượng  trên màn hình Desktop của máy vi tính. Sau khi nhập mật khẩu, nhấn phím Enter để vào giao diện chính của phần mềm. Kế toán tiền mặt lựa chọn phân hệ: **Tổng hợp/Báo cáo/Báo cáo hình thức NKCT** (Biểu 2.35).



Biểu 2.35: Màn hình lựa chọn đường dẫn để xem Bảng kê số 2.

- Kế toán tiền gửi ngân hàng kích chuột vào biểu tượng “Bảng kê số 2”. Màn hình máy tính hiện lên giao diện nhập thông tin để xem Bảng kê số 2 (Biểu 2.36). Kế toán tiền gửi ngân hàng điền đầy đủ thông tin vào các mục: Tài khoản, Ngày tháng.



Biểu 2.36: Màn hình nhập dữ liệu để xem Bảng kê số 2

- Sau khi điền đầy đủ thông tin, kế toán tiền gửi ngân hàng lựa chọn biểu tượng “*Xem trước khi in*” để kiểm tra. Màn hình hiện lên như sau (Biểu 2.37)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI THỦY SỐ 4
436 Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng

Mẫu số 504/ (Ban hành theo Quyết định số 1 ngày 29/03/2006 của E

BẢNG KÊ SỔ 2
Ghi Nợ Tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng
Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư đầu tháng:

STT	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	CỘNG NỢ TK 112	GHI NỢ TÀI KHOẢN 112, GHI CÓ CÁC TÀI KHOẢN				
	SỐ	NGÀY			1111	11211	131	515	642806
A	B	C	D	E	1	1111	3	4	5
1	PC1012/018	02/12/2010	Nộp tiền vào TK ngân hàng	110,000,000	110,000,000				
2	PC1012/019	03/12/2010	Nộp tiền vào TK ngân hàng	470,000,000	470,000,000				
3	GBC1012/001	03/12/2010	NH trả lại tiền do sai đơn vị	6,875,000					6,875,000
4	PC1012/062	07/12/2010	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	320,000,000	320,000,000				
5	UNC1012/022	09/12/2010	Chuyển tiền vào TK tại BIDV Bắc HN để trả gốc và lãi	400,000,000		400,000,000			
6	GBC1012/002	09/12/2010	Cước vơ than XK	1,342,752,941				1,342,752,941	
7	GBC1012/003	09/12/2010	Cước vơ than	900,000,000				900,000,000	
8	PC1012/079	13/12/2010	Nộp tiền vào TK ngân hàng Techcombank	32,000,000	32,000,000				
9	GBC1012/004	13/12/2010	Tiền thanh lý sà lan	1,170,000,000				1,170,000,000	
10	PC1012/085	14/12/2010	Nộp tiền vào TK ngân hàng Công Thương	200,000,000	200,000,000				
11	GBC1012/005	14/12/2010	Cước vơ than	1,000,000,000				1,000,000,000	
12	GBC1012/006	15/12/2010	Cước vơ Clinker	95,667,546				95,667,546	
13	UNC1012/041	16/12/2010	Chuyển tiền vào TK tiền gửi tại Vietcombank	910,000,000		910,000,000			
14	GBC1012/007	20/12/2010	Cước vơ than	900,000,000				900,000,000	

Biểu 2.37: Màn hình Bảng kê số 2

- Bảng kê số 2 được in ra như biểu 2.38

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY SỐ 4

436 Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S04b1 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ SỐ 2

Ghi Nợ Tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng

Số dư đầu tháng: 920.219.085

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	CỘNG NỢ TK112	GHI NỢ TÀI KHOẢN 112, GHI CÓ CÁC TÀI KHOẢN				SỐ DƯ CUỐI NGÀY
SỐ	NGÀY			111	131	515	
...
GNT 03	02/12	Nộp tiền vào TK	110.000.000	110.000.000				446.840.705
...
GBC08	09/12	Cước vận chuyển than XK	1.342.752.941		1.342.752.941			1.593.672.909
...
GNT10	11/12	Nộp tiền vào ngân hàng	110.000.000	110.000.000				110.500.000
...
GBC15	15/12	Cước vận chuyển Clinker	95.667.546		95.667.546			1.645.792.608
..
GBC20	20/12	Thu tiền cước vận chuyển	900.000.000		900.000.000			904.006.852
...
GBC 24	31/12	Thu cước vận chuyển than	800.000.000		800.000.000			
GBC 25	31/12	NH trả lãi tiền gửi	946.328			946.328		484.241.102
Cộng			9.280.789.211	1.252.000.000	8.020.967.883	946.328		484.241.102


Số dư cuối tháng: 484.241.102

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

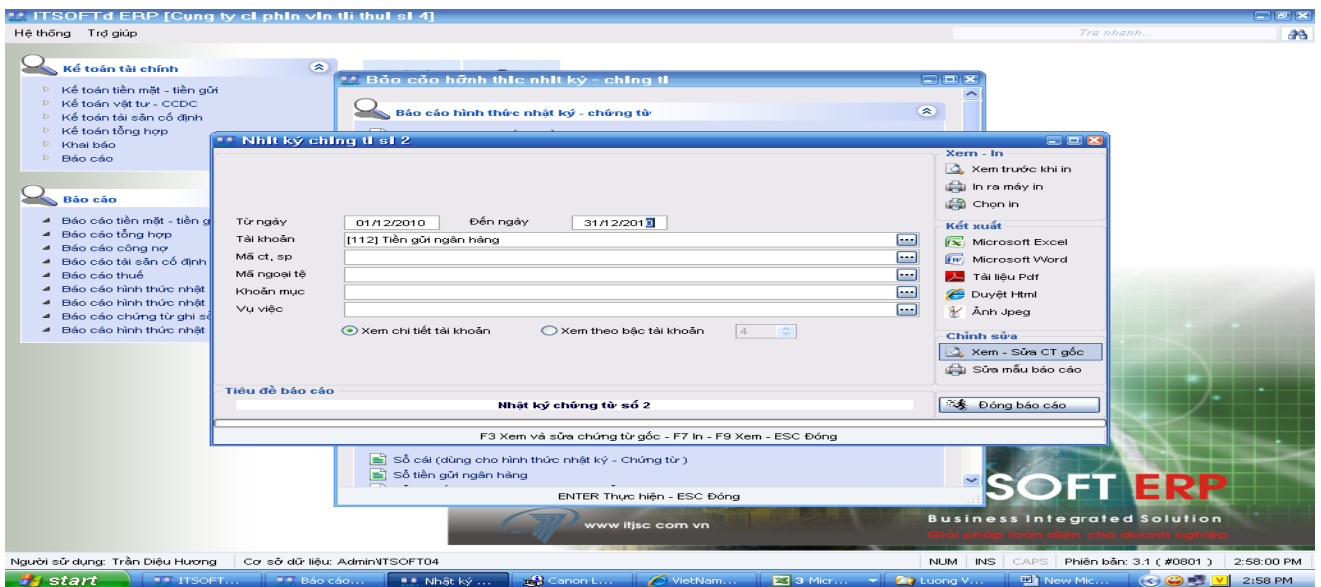
Biểu 2.38: Bảng kê số 2

- Muốn xem Nhật ký chứng từ số 2, Kế toán tiền gửi ngân hàng khởi động phần mềm kế toán máy ITSOFT bằng cách nhấp chuột vào biểu tượng  trên màn hình Desktop của máy vi tính. Sau khi nhập mật khẩu, nhấn phím Enter để vào giao diện chính của phần mềm. Kế toán tiền mặt lựa chọn phân hệ: **Tổng hợp/Báo cáo/Báo cáo hình thức NKCT** (Biểu 2.39).



Biểu 2.39: Màn hình lựa chọn đường dẫn để xem Nhật ký chứng từ số 2.

- Kế toán tiền gửi ngân hàng kích chuột vào biểu tượng “Nhật ký chứng từ số 2”. Màn hình máy tính hiện lên giao diện nhập thông tin để xem Nhật ký chứng từ số 2 (Biểu 2.40). Kế toán tiền gửi ngân hàng điền thông tin vào mục: Tài khoản, Ngày tháng.



Biểu 2.40: Màn hình nhập dữ liệu để xem Nhật ký chứng từ số 2.

- Sau khi điền đầy đủ thông tin, kế toán tiền gửi ngân hàng lựa chọn biểu tượng “*Xem trước khi in*” để kiểm tra. Màn hình hiện lên như sau (Biểu 2.41)

STT	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	CỘNG CÓ TK 112	GHI CÒ TÀI KHOẢN 112, GHI NỢ CÁC TÀI KHOẢN				
	SỐ	NGÀY			1111	11213	11214	133111	3111
A	B	C	D	E	1	1111	3	4	5
1	UNC1012/002	01/12/2010	Trả tiền nước tháng 10/2010	2,278,741				94,948	
2	UNC1012/004	01/12/2010	Trả phí chuyển tiền	22,000				2,000	
3	UNC1012/005	01/12/2010	Trả phí chuyển tiền	66,000				6,000	
4	UNC1012/006	01/12/2010	Trả tiền tiếp khách	9,790,000				890,000	
5	UNC1012/003	01/12/2010	TRẢ GỐC VAY NGẮN HẠN TK307763	750,000,000					750,000,000
6	UNC1012/007	02/12/2010	Trả tiền điện thoại máy không dây tháng 10/2010	891,685				81,064	
7	UNC1012/009	02/12/2010	Trả tiền điện thoại tháng 10/2010	6,076,620				552,420	
8	UNC1012/012	02/12/2010	TRẢ PHÍ CHUYỂN TIỀN	11,000				1,000	
9	UNC1012/013	02/12/2010	Trả phí chuyển tiền	33,000				3,000	
10	UNC1012/014	02/12/2010	Trả phí chuyển lương vào ATM	202,225				18,384	
11	UNC1012/011	02/12/2010	TRẢ GỐC VAY NGẮN HẠN TK308001	200,000,000					200,000,000
12	UNC1012/018	03/12/2010	TRẢ GỐC VAY NGẮN HẠN TK308365	200,000,000					200,000,000
13	UNC1012/019	03/12/2010	TRẢ GỐC VAY NGẮN HẠN TK308483	270,000,000					270,000,000
			Chuyển tiền vào TK tại						

Biểu 2.41: Màn hình Nhật ký chứng từ số 2

- Nhật ký chứng từ số 2 được in ra như biểu 2.42

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2

Ghi Có Tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư đầu tháng: 920.219.085

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	CỘNG CÓ TK112	GHI CÓ TÀI KHOẢN 112, GHI NỢ CÁC TÀI KHOẢN				SỐ DƯ CUỐI NGÀY
SỐ	NGÀY			111	331	133	642	
...
UNC09	02/12	Trả tiền điện thoại	6.076.620			552.420	5.524.200	446.840.705
...
GBC13	13/12	Lĩnh tiền NH về quỹ	550.000.000	550.000.000				1.073.660.362
...
UNC14	14/12	Trả tiền báo quý IV/2010	8.502.300				8.502.300	1.570.125.062
...
UNC18	15/12	Trả tiền mua máy tàu	455.800.000		455.800.000			1.645.792.608
...
UNC23	23/12	Trả tiền nước					2.183.793	43.376.207
...
UNC33	29/12	Trả tiền điện thoại không dây	6.175.123			561.375	5.613.748	275.806.318
...
UNC41	31/12	Trả phí chuyển tiền	33.000				33.000	484.241.102
Cộng			9.716.767.194	645.000.000	750.164.246	2.542.123	79.006.761	484.241.102

Số dư cuối tháng: 484.241.102

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán ghi sổ

Biểu 2.42: Nhật ký chứng từ số 2

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THUỶ SỐ 4

436 Hùng Vương - Hồng Bàng - Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN TỔNG HỢP

Tài khoản : 112 – Tiền gửi ngân hàng

Từ 1/12/2010 đến 31/12/2010

Trích yếu	TKĐƯ	Số tiền	
		Nợ	Có
Số dư đầu kỳ		920.219.085	
Tổng phát sinh		9.280.789.211	9.716.767.194
Số dư cuối kỳ		484.241.102	
Tiền mặt	111	1.252.000.000	645.000.000
Phải thu của khách hàng	131	8.020.967.883	
Thuế GTGT được khấu trừ HH,DV	1331		2.542.123
Vay ngắn hạn	311		5.493.895.470
Nợ dài hạn đến hạn trả	315		1.316.123.903
Phải trả cho người bán	331		750.164.246
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	333		335.642.418
Phải trả, phải nộp khác	338		20.000.000
Doanh thu tài chính	515	946.328	
Chi phí sản xuất chung	627		2.000.000
Chi phí tài chính	635		1.072.392.273
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	6.875.000	79.006.761

Biểu số 2.43: Sổ cái tài khoản 112

CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY CP VẬN TẢI THUỶ SỐ 4.

3.1. Nhận xét đánh giá chung về bộ máy kế toán và công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4.

Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4 tiền thân là công ty vận tải sông số 4 được thành lập từ năm 1983. Từ đó đến nay Công ty đã phát triển và trưởng thành cùng với sự phát triển của ngành và đất nước. Để khẳng định chỗ đứng của mình trên thương trường ban Lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ nhân viên đã phải phấn đấu, nỗ lực rất lớn. Công ty không ngừng nâng cao trình độ quản lý, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên. Công ty thực hiện tốt các kế hoạch kinh doanh, các nhiệm vụ đề ra trong từng chu kỳ kinh doanh cụ thể. Chính sự nỗ lực liên tục không ngừng đó mà uy tín của Công ty ngày càng được nâng cao, nhiều bạn hàng tín nhiệm, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng mở rộng, nhờ đó mà đời sống của cán bộ công nhân viên cũng được nâng cao.

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động có tính linh hoạt cao nhất trên bảng Báo cáo tài chính. Nó phản ánh khả năng thanh toán tức thời của Công ty tại thời điểm. Ý thức được tầm quan trọng của Vốn bằng tiền và để đáp ứng nhu cầu thanh toán của Công ty, thực hiện việc mua sắm, chi phí,... nhằm đảm bảo công tác sản xuất, kinh doanh được liên tục, đem lại hiệu quả cao, Công ty đã tổ chức quản lý một cách tối đa vốn bằng tiền.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần vận tải thủy số 4, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng có những ưu nhược điểm sau:

3.1.1. Ưu điểm.

3.1.1.1. Về công tác quản lý

Là một doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập, công ty đã tìm ra cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất. Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức một cách hợp lý, khoa học, và hoạt động có nề nếp,

phù hợp với loại hình và quy mô của doanh nghiệp. Đồng thời có những biện pháp quản lý một cách chặt chẽ công việc ở tất cả các khâu, từng bộ phận trong công ty một cách nhịp nhàng và có hiệu quả. Bên cạnh đó, công ty có những chế độ khen thưởng cũng như kỷ luật kịp thời nhằm tạo kỷ cương doanh nghiệp cũng như khuyến khích người lao động.

3.1.1.2. Về công tác kế toán.

Trong điều kiện cơ chế quản lý mới, cũng như điều kiện quản lý kinh doanh thực tế của mình, bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ và hoàn chỉnh theo mô hình kế toán tập trung. Đây là mô hình mà việc hạch toán được tập trung tại phòng kế toán của công ty. Mô hình này không những tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát tình hình tài chính trong việc tạo ra quyết định quản lý và chỉ đạo kinh doanh kịp thời của ban Giám đốc, mà còn tạo điều kiện cho công tác phân công lao động, chuyên môn theo từng phần hành, nâng cao trình độ quản lý, nhiệm vụ, ý thức trách nhiệm của cán bộ kế toán.

Các phần hành kế toán được phân công tương đối rõ ràng và khoa học cho từng kế toán viên, có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các phần hành với nhau, đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán, ghi chép. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, phát hiện kịp thời những sai sót giúp ban Giám đốc đánh giá được hiệu quả kinh doanh trong kỳ, qua đó xác định được kế hoạch kinh doanh phù hợp với yêu cầu thị trường.

Đội ngũ cán bộ và nhân viên kế toán trong công ty có trình độ nghiệp vụ, nắm vững và am hiểu các kỹ thuật nghiệp vụ kinh doanh, các chế độ tài chính về thanh toán, nhiệt tình và có trách nhiệm với công việc. Trình độ của nhân viên không ngừng được nâng cao do thường xuyên được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, biết vận dụng khéo léo và nhịp nhàng giữa lý thuyết và thực tế tại công ty, biết áp dụng những phương pháp hạch toán phù hợp với thực tế phát sinh đồng thời có thể giảm được khối lượng công việc ghi chép thừa để đạt được kết quả cao. Mỗi nhân viên kế toán đều sử dụng tốt máy vi tính và phần mềm kế toán máy nên công việc kế toán được thực hiện nhanh chóng, khoa học.

Công ty áp dụng hình thức kế toán máy theo hình thức nhật ký chứng từ. Việc sử dụng phần mềm kế toán máy ITSOFT giúp tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng công việc kế toán đồng thời giúp đảm bảo độ chính xác khi tính toán. Khi sử dụng phần mềm này, kế toán chỉ việc cập nhật các số liệu đầu vào, phần mềm sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán. Ngoài ra, phần mềm được thiết kế đảm bảo có thể cung cấp các báo cáo kế toán quản trị tổng hợp và chi tiết theo nhiều chiều phục vụ tối đa công tác quản trị điều hành.

Công ty đã đầu tư trang bị cho bộ phận kế toán những trang thiết bị hiện đại, mỗi nhân viên kế toán đều được trang bị một máy vi tính riêng để mỗi người có thể hoàn thành công việc mình được giao một cách nhanh chóng và khoa học.

3.1.1.3. Về công tác kế toán vốn bằng tiền.

Công ty đã có những biện pháp tốt trong việc tổ chức hạch toán cũng như quản lý và sử dụng vốn bằng tiền. Việc giữ gìn và bảo quản tiền mặt trong két được đảm bảo tính an toàn. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật hàng ngày nên thông tin kế toán mang tính liên tục, chính xác. Công tác kế toán tổng hợp được đơn giản hoá đến mức tối đa, cho phép ghi chép kịp thời một cách tổng hợp những hiện tượng kinh tế có liên quan đến tình trạng biến động của Vốn bằng tiền.

Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của Vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo Quy định của chế độ kế toán do Nhà nước ban hành và đã được chi tiết cho từng loại tiền. Sự chi tiết đó đã cho phép ban lãnh đạo nắm bắt được những số liệu cụ thể và chi tiết của Vốn bằng tiền, từ đó có thể ra các quyết định một cách chính xác và hợp lý.

Thủ quỹ là người trung thực, có năng lực chuyên môn, thận trọng trong nghề nghiệp và không trực tiếp là nhân viên kế toán tiền mặt. Do vậy đã tránh được tình trạng tham ô công quỹ và sai sót khi hạch toán. Việc nhập, xuất quỹ tiền mặt đều dựa trên những chứng từ gốc hợp lý, hợp lệ được kế toán trưởng soát xét và giám đốc công ty phê duyệt, có đầy đủ chữ ký của người nộp tiền, nhận tiền... Sau đó chuyển cho thủ

quỹ làm thủ tục xuất, nhập quỹ. Vì vậy không xảy ra tình trạng chi tiêu lãng phí đảm bảo các khoản chi đều hợp lý, có mục đích rõ ràng.

Đối với tiền gửi ngân hàng kế toán liên hệ chặt chẽ và có quan hệ tốt với ngân hàng, tập hợp theo dõi đầy đủ các chứng từ, đối chiếu với ngân hàng, công ty cũng mở sổ theo dõi chi tiết tình hình biến động về tiền gửi ngân hàng khiến cho việc kiểm tra đối chiếu và quản lý dễ dàng và chặt chẽ hơn.

Lãnh đạo công ty cùng với kế toán trưởng luôn luôn giám sát chặt chẽ việc tiến hành thu, chi và quản lý tiền mặt, tiền gửi để đáp ứng được nhu cầu thanh toán, đảm bảo cho quá trình kinh doanh của công ty được diễn ra liên tục đem lại hiệu quả cao cho công ty. Như vậy, việc tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền đã đáp ứng được nhu cầu của công ty đề ra là: Đảm bảo tính thống nhất về mặt phạm vi, phương pháp tính toán các chỉ tiêu kế toán. Đảm bảo các số liệu kế toán phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng.

3.1.2. Hạn chế.

Với các ưu điểm trên, công tác kế toán ngày càng phát huy và nâng cao được hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, nếu đi sâu vào nghiên cứu kỹ công tác hạch toán kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4 vẫn còn một số hạn chế cần được khắc phục.

3.1.2.1. Về việc quản lý quỹ tiền mặt.

Hàng tháng, Công ty chưa tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt để xác định số tiền tồn quỹ thực tế và số tiền thừa, thiếu so với sổ quỹ. Trên cơ sở đó, công ty có biện pháp tăng cường quản lý quỹ một cách chặt chẽ đồng thời tìm ra nguyên nhân của sự chênh lệch đó để tránh được thất thoát về tiền.

3.1.2.2. Công ty không hạch toán tiền đang chuyển.

Địa bàn hoạt động của công ty trải rộng trên toàn quốc nên việc thanh toán gặp nhiều khó khăn do điều kiện địa lý. Đôi khi thủ tục thanh toán đã được thực hiện nhưng công ty vẫn chưa nhận được lệnh chuyển có hay giấy báo có của Ngân hàng.

Hiện nay, công ty lại không sử dụng tài khoản 113 - Tiền đang chuyển để theo dõi. Điều này không phản ánh đúng trách nhiệm quản lý vốn.

3.1.2.3. Công ty chưa tận dụng hết hình thức thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

Tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4 vẫn còn một số nghiệp vụ thanh toán các khoản tiền hàng tương đối lớn bằng tiền mặt. Việc thanh toán các khoản tiền hàng lớn bằng tiền mặt sẽ không an toàn cho quỹ tiền mặt của công ty. Mặt khác, lượng tiền mặt tồn quỹ quá nhiều không đảm bảo khả năng sinh lời của tiền.

Ngoài ra, Căn cứ vào Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thi hành: Ngày 20/3/2009 Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 3046/BTC – TCT hướng dẫn thực hiện Điểm 1.3b, Mục III, Phần B của Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về thuế GTGT. Theo hướng dẫn của công văn này thì :

- Điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào từ 20.000.000 đồng trở lên phải có chứng từ chứng minh việc chuyển tiền từ tài khoản của bên mua sang tài khoản của bên bán mở tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo các hình thức thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- Các chứng từ sau đây không đủ điều kiện để khấu trừ, hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào từ 20.000.000 đồng trở lên theo quy định tại Thông tư số 129/2008/TT-BTC

- + Chứng từ bên mua nộp tiền mặt vào tài khoản của bên bán.
- + Chứng từ thanh toán theo các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

3.1.2.4. Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Khách hàng của Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4 đa số là những khách hàng quen thuộc nên công ty thường cho bán hàng nợ. Hiện nay, các khoản phải thu khách hàng của công ty lên tới 3.594.430.112 đồng. Qua quá trình nghiên cứu tìm hiểu em đã thống kê được nợ phải thu khách hàng cần trích lập dự phòng của Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4 như sau:

Thời hạn thanh toán quá hạn (t)	Số tiền phải thu	Tỷ trọng (%)
6 tháng $\leq t < 1$ năm	1.206.812.916	49
1 năm $\leq t < 2$ năm	1.220.926.333	49.6
2 năm $\leq t < 3$ năm	34.394.013	1.4
Tổng	2.462.133.262	100

Bảng trên cho thấy công ty đã bị chiếm dụng vốn, làm giảm khả năng quay vòng vốn, làm ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động sản xuất toàn công ty.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện.

Như chúng ta đã biết: Đối với bất kỳ doanh nghiệp hoạt động sản xuất nào trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì vấn đề sống còn là không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường để tồn tại và phát triển. Muốn làm được điều đó đòi hỏi doanh nghiệp phải có chiến lược tốt, không ngừng nâng cao hiệu quả đồng vốn mà mình bỏ ra ban đầu và trong đó việc nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn là một trong các biện pháp tích cực phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để thực hiện tốt hơn nữa việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền doanh nghiệp cần phải phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế trên để việc kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

3.2.2. Mục đích, yêu cầu, phạm vi hoàn thiện.

Đối với doanh nghiệp, yếu tố thông tin và cơ chế quản lý có ảnh hưởng rất lớn tới tổ chức công tác kế toán. Do vậy cần phải thấy được những đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường và sự tác động của các nhân tố khác tới việc tổ chức công tác kế toán, để tìm ra biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán, đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp đặt ra. Muốn vậy, việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng cần phải tuân thủ theo các yêu cầu sau:

- Phải tuân thủ chế độ tài chính, chế độ kế toán hiện hành.
- Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty.
- Phải đáp ứng được việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác.
- Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

Với mong muốn được đóng góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào công việc hoàn thiện tổ chức kế toán Vốn bằng tiền, làm cho kế toán thực sự trở thành công cụ quản lý kinh tế có hiệu quả. Sau một thời gian nghiên cứu tìm hiểu các phân hành nói chung và đi sâu nghiên cứu tình hình thực tế công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4 em xin mạnh dạn đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện tốt hơn công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty.

3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4.

3.2.3.1. Định kỳ tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt

Việc công ty định kỳ tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt sẽ có tác dụng:

- Ngăn ngừa tham ô, lãng phí đồng thời nâng cao trách nhiệm của người quản lý quỹ.
- Giúp việc ghi chép, theo dõi sổ sách đúng với thực tế.
- Giúp cho lãnh đạo công ty biết chính xác số lượng tài sản hiện có.

Kế toán nên tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm và có thể kiểm kê đột xuất khi có nhu cầu hoặc khi bàn giao quỹ để xác định được số chênh lệch (nếu có) giữa tiền mặt tồn quỹ thực tế với sổ quỹ để từ đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch

Khi tiến hành kiểm kê quỹ, phải lập ban kiểm kê trong đó thủ quỹ và kế toán tiền mặt là các thành viên. Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê.

Mọi khoản chênh lệch đều phải báo cáo cho Giám đốc xem xét.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ, ban kiểm kê quỹ phải lập Bảng kiểm kê quỹ thành 2 bản:

- Một bản lưu ở thủ quỹ.
- Một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán.

Sau đây là mẫu biên bản kiểm kê quỹ (Biểu 3.1)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THUỶ SỐ 4
436 Hùng Vương – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số : 08a – TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày
20/03/2006 của BTC)

BẢN KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho Việt Nam đồng)

Số:

Hôm nay, vào giờ.... ngày tháng ... năm....

Chúng tôi gồm:

Ông/Bà :đại diện kế toán

Ông/Bà:đại diện thủ quỹ

Ông/Bà:.....đại diện

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt, kết quả như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ		
II	Số kiểm kê thực tế		
I	Trong đó:- Loại		
III	Chênh lệch (III = I – II)		

Lý do: + Thừa :

+ Thiếu:

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

Biểu 3.1: Biên bản kiểm kê quỹ

3.2.3.2. Hoàn thiện việc đưa tài khoản 113 – tiền đang chuyển vào hạch toán.

Hiện nay Công ty không sử dụng tài khoản 113-Tiền đang chuyển để hạch toán. Đây là số tiền của doanh nghiệp trong quá trình xử lý như chuyển tiền đang gửi vào Ngân hàng, kho bạc, chuyển trả cho khách hàng qua đường bưu điện (trong nước hoặc nước ngoài) nhưng chưa nhận được giấy báo có, đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay sổ phụ của Ngân hàng. Thường thì doanh nghiệp không dùng tài khoản này mà chờ nghiệp vụ chuyển tiền hoàn thành rồi hạch toán vì thường tiền chuyển qua Ngân hàng sẽ chỉ phải chờ một vài ngày là người thụ hưởng sẽ nhận được tiền. Nhưng nó sẽ ảnh hưởng nếu như rơi vào cuối kỳ kế toán hàng tháng hay năm. Trường hợp cuối tháng lên báo cáo tài chính mà có phát sinh tiền khách hàng đã chuyển (nhưng chưa tới, sẽ nhận được vào ngày đầu tháng sau). Nếu nghiệp vụ này không sử dụng 113 thì số dư công nợ cuối năm trên báo cáo tài chính không chính xác và sẽ gặp khó khăn khi xác nhận số dư công nợ với khách hàng khi có kiểm toán. Vì vậy Công ty nên đưa TK này hạch toán vốn bằng tiền để đảm bảo tính chính xác, cập nhật về tiền.

3.2.3.3. Hạn chế thanh toán bằng tiền mặt, đẩy mạnh hình thức thanh toán qua ngân hàng.

Với xu hướng chung hiện nay là đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, những khoản tiền lớn doanh nghiệp nên thanh toán qua hệ thống Ngân hàng. Bởi lẽ hiện nay hệ thống ngân hàng rất phát triển trên toàn quốc và quốc tế, không chỉ các ngân hàng Nhà nước mà hệ thống các ngân hàng tư nhân cũng ngày càng nhiều với những dịch vụ tiện ích. Với công nghệ hiện đại tiên tiến, việc chuyển tiền giữa các ngân hàng diễn ra nhanh chóng và thuận tiện. Hơn nữa thanh toán qua ngân hàng sẽ đảm bảo an toàn cho quỹ tiền mặt, an toàn cho đồng tiền trong quá trình vận chuyển hạn chế tiêu cực xảy ra trong quá trình thanh toán như sai sót, gian lận, trộm cắp.

3.2.3.4. Hoàn thiện việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Do phương thức bán hàng thực tế tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4 có nhiều khách hàng chịu tiền hàng. Như vậy làm giảm vòng quay của vốn, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh toàn công ty. Bên cạnh việc thu tiền hàng gặp khó khăn thì tình trạng này ảnh hưởng không nhỏ tới việc giảm doanh thu của doanh nghiệp. Vì vậy, công ty nên tính toán các khoản nợ có khả năng khó đòi, tính toán lập dự phòng để đảm bảo sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí trong kỳ. Việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được làm theo quy định về lập dự phòng phải thu khó đòi – Thông tư 228/2009/TT – BTC ban hành 07/12/2009.

- Điều kiện để số tiền phải thu được coi là khoản nợ phải thu khó đòi:
 - + Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.
 - + Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.
- Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi:
 - + Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.
 - + Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng ...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.
- Mức trích lập:
 - Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết ... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Tài khoản sử dụng: TK139

- Phương pháp hạch toán:

- + Cuối năm, xác định số dự phòng cần trích lập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hạch toán vào phân chênh lệch vào chi phí:

Nợ TK642:

Có TK139:

- + Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm chi phí:

Nợ TK139:

Có TK642:

- + Trong kỳ kế toán, nếu có khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu hồi được, doanh nghiệp làm thủ tục xoá sổ các khoản nợ này theo quy định. Căn cứ vào quyết định xử lý xoá sổ các khoản nợ không thể thu hồi được, kế toán ghi:

Nợ TK 6426 : Chi phí quản lý doanh nghiệp (chưa lập dự phòng)

Nợ TK 139 : Dự phòng nợ phải thu khó đòi (phần đã lập dự phòng)

Có TK 131, 1388 : Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác

Đồng thời ghi Nợ TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý.

- + Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xoá sổ, nay doanh nghiệp thu hồi được, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112 : Số tiền thu được

Có TK 711 : Thu nhập khác

Đồng thời ghi Có TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý.

Ví dụ: Tính và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4.

Theo Thông tư 228/2009/TT – BTC ban hành 07/12/2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng phải thu khó đòi ta có mức dự phòng cần trích lập như sau:

Thời hạn thanh toán quá hạn (t)	Số tiền phải thu	Mức dự phòng cần trích lập
6 tháng $\leq t < 1$ năm	1.756.812.916	30% giá trị nợ quá hạn
1 năm $\leq t < 2$ năm	1.770.926.333	50% giá trị nợ quá hạn
2 năm $\leq t < 3$ năm	34.394.013	70% giá trị nợ quá hạn
Tổng	3.562.133.262	

- Mức dự phòng cần trích lập cụ thể cho từng khách hàng

Khách hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ cần trích lập	Mức dự phòng cần trích lập
Công ty Kho vận Đá Bạc	740.353.025	11 tháng	0.3	222.105.908
Công ty CPTM Vận tải Hạ Long	94.942.531	6 tháng	0.3	28.482.760
Công ty TNHH Song Toàn	814.372.360	9 tháng	0.3	244.311.708
Công ty TNHH TM & DV Hải Thông	107.145.000	10 tháng	0.3	32.143.500
Công ty TNHH MTV phân đạm Hà Bắc	829.980.508	15 tháng	0.5	414.990.254
Công ty TNHH TM Trà My	249.551.275	18 tháng	0.5	124.775.638
Công ty TNHH Vận tải Huyện Linh	691.394.550	20 tháng	0.5	345.697.275
Công ty TNHH TM&DV Thống Nhất	34.394.013	26 tháng	0.7	24.075.810

Tổng	3.562.133.262			1.436.582.853
-------------	----------------------	--	--	----------------------

- Kế toán định khoản:

Nợ TK 642 : 1.436.582.853

Có TK 139 : 1.436.582.853

KẾT LUẬN

Việc quản lý và sử dụng vốn là một khâu quan trọng có ảnh hưởng tới việc phát triển hay suy thoái của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền đã trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu đối với mọi doanh nghiệp và các nhà quản lý nên việc quản lý vốn bằng tiền cũng đòi hỏi được kiện toàn.

Qua quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4, em đã tìm hiểu được thực tế về công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4 và đặc biệt là phòng Tài chính kế toán đã tạo điều kiện cho em có thể nghiên cứu, tiếp cận thực tế, bổ sung những kiến thức đã học ở trường từ đó đối chiếu lý luận với thực tế. Khóa luận “Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền” đã đề cập tới những vấn đề sau:

❖ Về mặt lý luận: Đưa ra những vấn đề chung nhất về vốn bằng tiền và tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại các doanh nghiệp

❖ Về mặt thực tiễn: Phản ánh khá đầy đủ về tổ chức hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4 với số liệu chứng minh và tình hình thực tế năm 2010. Đồng thời, khóa luận cũng đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty.

Do hạn chế về hiểu biết lý luận và thực tiễn, hơn nữa thời gian thực tập tại Công ty có hạn nên trong quá trình nghiên cứu và trình bày bài viết này không tránh khỏi sai sót và hạn chế. Em rất mong có được sự đóng góp và chỉ bảo của các thầy cô cùng cán bộ phòng kế toán trong Công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể các cô chú trong phòng kế toán và đặc biệt là ThS.Hoà Thị Thanh Hương đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành bài khoá luận tốt nghiệp này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình Kế toán tài chính – TS Võ Văn Nhị, Th.S Trần Thị Duyên, Th.S Nguyễn Thị Ngọc Dung – NXB Thống kê.
2. 162 Sơ đồ kế toán doanh nghiệp – Th.S Hà Thị Ngọc Hà, CN Vũ Đức Chính – NXB Thống kê.
3. Các sổ sách kế toán, hoá đơn chứng từ, các báo cáo tài chính, báo cáo kiểm soát, điều lệ và tài liệu phân tích hoạt động kinh tế của Công ty Cổ phần Vận tải thủy số 4
4. Khoá luận tốt nghiệp của các khoá trước.
5. Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp theo chế độ kế toán mới hiện hành – TS Võ Văn Nhị .
6. Hướng dẫn hạch toán kế toán báo cáo tài chính doanh nghiệp – TS Võ Văn Nhị .
7. Trang w.w.w.webketoan.com.vn